

LÊ VĂN TẠC

MODULE TH

11

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
HỌC SINH KHIẾM THÍNH,
HỌC SINH KHUYẾT TẬT
VẬN ĐỘNG**

Phần 1:

TỔ CHỨC GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO HỌC SINH CÓ KHÓ KHĂN VỀ NGHE (Khiếm thính)



A. TỔNG QUAN

Ở Việt Nam có khoảng 200 nghìn trẻ khiếm thính. Những trẻ em này có quyền được hưởng một nền giáo dục có chất lượng. Giáo dục hoà nhập là một trong những phương thức giáo dục tối ưu đảm bảo cho trẻ khiếm thính được phát triển tối đa khả năng và tiềm năng của mình. Do không nghe được hoặc nghe không rõ nên trẻ khiếm thính có khó khăn trong việc tiếp nhận và biểu đạt thông tin. Tùy theo vào mức độ và thời gian xuất hiện khiếm thính mà trẻ khiếm thính có thể sử dụng một hay nhiều phương tiện giao tiếp khác nhau như: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ kí hiệu hay đồng thời cả hai dạng trên. Tuy nhiên, trẻ khiếm thính có thể mạnh về khả năng tiếp nhận thông tin qua thị giác, nên nếu giáo viên biết vận dụng thế mạnh này trong giảng dạy, trẻ khiếm thính đều có thể học tập có kết quả như những trẻ không khiếm thính.

Phần 1 gồm các nội dung sau:

TT	Nội dung	Số tiết
1	Khái niệm giáo dục hoà nhập, khái niệm học sinh khiếm thính	1
2	Thiết kế và thực hiện các hoạt động giáo dục cho học sinh khiếm thính	2
3	Đánh giá kết quả giáo dục học sinh khiếm thính	2



B. MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC

Người học trình bày được:

- Khái niệm, đặc điểm phát triển, khả năng nhu cầu của học sinh khiếm thính.

- Khái niệm giáo dục hoà nhập, những yếu tố cơ bản thực hiện giáo dục hoà nhập.
- Dạy học hoà nhập học sinh có khó khăn về nghe, nhìn và nói: Thiết kế và thực hiện bài học hoà nhập, phương pháp đặc thù trong dạy học hoà nhập.

2. KĨ NĂNG

- Xác định học sinh khiếm thính.
- Phân loại mức độ suy giảm thính lực.
- Vận dụng kĩ năng đặc thù trong dạy học và giáo dục học sinh khiếm thính.
- Vận dụng đánh giá kết quả giáo dục, dạy học học sinh khiếm thính.

3. THÁI ĐỘ

- Tin tưởng vào khả năng phát triển và học tập của học sinh khiếm thính.
- Tin tưởng rằng môi trường giáo dục hoà nhập và môi trường phù hợp nhất cho sự phát triển của học sinh khiếm thính.
- Có ý thức xây dựng và tạo điều kiện cho học sinh tham gia mọi hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.



C. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

- Điều kiện tiên quyết khi học tiểu module: Đã nắm được những yếu tố cơ bản của giáo dục hoà nhập.
- Bảng hình về đối tượng học sinh khiếm thính và dạy học học sinh khiếm thính.
- Tài liệu học tập:
 - + *Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thính cấp tiểu học*, NXB Lao động 2006.
 - + *Phương pháp giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật*, NXB Giáo dục, 2006.
 - + *Quản lí giáo dục hoà nhập*, NXB Phụ nữ, 2010.



D. NỘI DUNG

Nội dung 1

KHÁI NIỆM GIÁO DỤC HOÀ NHẬP, KHÁI NIỆM HỌC SINH KHIẾM THÍNH

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Phân tích được các khái niệm giáo dục hoà nhập trong so sánh với giáo dục chuyên biệt đứng từ góc độ lợi ích đối với học sinh khiếm thính.
- Phân tích được đặc điểm phát triển của học sinh khiếm thính.

1.2. Kỹ năng

Xác định được đặc điểm phát triển của học sinh khiếm thính.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn đối với học sinh khiếm thính.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

Tài liệu tham khảo:

- + *Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thính cấp tiểu học*, NXB Lao động 2006.
- + *Phương pháp giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật*, NXB Giáo dục, 2006.
- + *Quản lý giáo dục hoà nhập*, NXB Phụ nữ, 2010.
- + Các tài liệu học tập khác: Hệ thống các bài tập thực hành, câu hỏi ôn tập, tình huống thảo luận cho chủ đề, sơ đồ.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giáo dục hoà nhập

1. NHIỆM VỤ

Đã có nhiều tài liệu về giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật, có thể bạn đã đọc, đã thực hiện giáo dục hoà nhập, hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình theo gợi ý dưới đây:

- Giáo dục hoà nhập là:

– Bản chất của giáo dục hoà nhập:

– Phân biệt giáo dục hoà nhập và giáo dục không hoà nhập:

– Tính tất yếu của giáo dục hoà nhập:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- * *Giáo dục hoà nhập là phương thức giáo dục trong đó học sinh khuyết tật cùng học với học sinh bình thường, trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ sinh sống:*

Giáo dục hoà nhập dựa trên quan điểm xã hội trong việc nhìn nhận trẻ khuyết tật. Nguyên nhân gây ra khuyết tật không phải chỉ do khiếm khuyết của bản thân cá thể mà còn là khiếm khuyết về phía xã hội. Khiếm khuyết xã hội đóng vai trò chủ yếu. Trẻ khuyết tật về vận động như liệt sẽ là mất khả năng nếu không có các phương tiện đi lại, không được tham gia vào hoạt động xã hội và sẽ trở thành tàn phế nếu không ai chăm sóc giúp đỡ. Nhưng cũng trẻ đó, nếu được hỗ trợ, có phương tiện đi lại và xã hội có những cơ sở vật chất thích ứng và cùng được tham gia vào các hoạt động, trẻ đó sẽ có bình đẳng và phát triển như mọi trẻ khác.

Giáo dục hoà nhập dựa trên quan điểm tích cực, đánh giá đúng trẻ khuyết tật: trẻ khuyết tật được nhìn nhận như mọi trẻ em khác. Mọi trẻ khuyết tật đều có những năng lực nhất định, chính từ sự đánh giá đó mà trẻ khuyết tật được coi là chủ thể chứ không phải là đối tượng thụ động trong quá trình tiếp nhận các tác động giáo dục. Từ đó người ta tập trung quan tâm, tìm kiếm những cái mà trẻ khuyết tật có thể làm được. Các em sẽ làm tốt khi những việc đó phù hợp với nhu cầu và năng lực của các em. Trong giai đoạn giáo dục này, gia đình, cộng đồng, xã hội cần tạo ra sự hợp tác và hoà nhập với các em trong mọi hoạt động. Vì thế các em

phải được học ngay ở trường học gần nhất, nơi các em sinh ra và lớn lên. Các em luôn luôn được gần gũi gia đình, luôn được sưởi ấm bằng tình yêu của cha, mẹ, anh, chị mình và được cả cộng đồng đùm bọc, giúp đỡ. Trẻ khuyết tật sẽ được học cùng một chương trình, cùng lớp, cùng trường với các bạn học sinh bình thường. Như mọi học sinh khác, học sinh khuyết tật là trung tâm của quá trình giáo dục. Các em được tham gia đầy đủ, và bình đẳng trong mọi công việc trong nhà trường và cộng đồng để thực hiện lí tưởng "trường học cho mọi học sinh, trong một xã hội cho mọi người". Chính lí tưởng đó tạo cho học sinh khuyết tật niềm tin, lòng tự trọng, ý chí vươn lên để đạt đến mức cao nhất mà năng lực của các em cho phép. Đó là giáo dục hoà nhập.

* *Bản chất của giáo dục hoà nhập:*

Giáo dục cho mọi đối tượng học sinh. Đây là tư tưởng chủ đạo, yếu tố đầu tiên thể hiện bản chất của giáo dục hoà nhập. Trong giáo dục hoà nhập không có sự tách biệt giữa học sinh với nhau. Mọi học sinh đều được tôn trọng và đều có giá trị như nhau.

Học ở trường nơi mình sinh sống. Mọi học sinh đều cùng được hưởng một chương trình giáo dục phổ thông. Điều này vừa thể hiện sự bình đẳng trong giáo dục, vừa thể hiện sự tôn trọng.

Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và thay đổi quan điểm, cách đánh giá là vấn đề cốt lõi để giáo dục hoà nhập đạt hiệu quả cao nhất.

Điều chỉnh chương trình là việc làm tất yếu của giáo dục hoà nhập, có điều chỉnh chương trình cho phù hợp thì mới đáp ứng cho mọi trẻ em có nhu cầu, năng lực khác nhau.

Giáo dục hoà nhập không đánh đồng mọi trẻ em như nhau. Mỗi đứa trẻ là một cá nhân, một nhân cách có năng lực khác nhau, cách học khác nhau, tốc độ học không như nhau. Vì thế, điều chỉnh chương trình cho phù hợp là cần thiết.

Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác. Đó là mục tiêu của dạy học hoà nhập.

Dạy học hoà nhập sẽ tạo ra được cho trẻ kiến thức chung, tổng thể, cân đối. Muốn thế, phương pháp dạy học phải có hiệu quả và đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của học sinh.

Muốn dạy học có hiệu quả ,kế hoạch bài giảng phải cụ thể, chú trọng áp dụng phương pháp học hợp tác. Phải biết lựa chọn phương pháp và sử dụng đúng lúc: phương pháp đồng loạt, phương pháp đa trình độ, phương pháp trùng lặp giáo án, phương pháp thay thế, phương pháp cá biệt.

Bảng so sánh các yếu tố của giáo dục hoà nhập và các yếu tố không phải là giáo dục hoà nhập:

Các yếu tố của giáo dục hoà nhập	Các yếu tố không phải là giáo dục hoà nhập
Giáo dục mọi đối tượng học sinh	Giáo dục cho một số học sinh.
Học sinh được học ở trường thuộc khu vực sinh sống.	Học sinh khuyết tật được gửi đến trường học chuyên biệt khác với trường học của anh, chị, em hay hàng xóm của các em.
Học sinh được bố trí vào lớp học phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.	Học sinh được bố trí vào lớp học không phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.
Cung cấp các dịch vụ và giúp đỡ học sinh.	Học sinh phải rời môi trường giáo dục phổ thông để tìm các dịch vụ và sự trợ giúp.
Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác.	Dạy học một cách thụ động, lặp đi lặp lại và không hợp tác.
Bạn bè cùng lứa giúp đỡ lẫn nhau.	Bạn bè cùng lứa hoạt động độc lập hoặc cạnh tranh với nhau.
Học sinh với những khả năng khác nhau được học theo nhóm.	Học sinh với những khả năng giống nhau được học theo nhóm.
Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và cách đánh giá.	Chuẩn hoá chương trình, phương pháp dạy học và cách đánh giá.
Mọi học sinh đều là thành viên của tập thể.	Một số học sinh là thành viên của tập thể, số khác phải đánh đổi để được là thành viên của tập thể.
Lớp học có tỉ lệ học sinh hợp lí.	Lớp học có tỉ lệ học sinh khuyết tật khá lớn.

Các yếu tố của giáo dục hoà nhập	Các yếu tố không phải là giáo dục hoà nhập
Một học sinh được hướng cùng một chương trình giáo dục phổ thông.	Chương trình giáo dục cá nhân không liên quan đến chương trình giáo dục phổ thông.
Giáo viên phổ thông và chuyên biệt cùng chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh.	Giáo viên phổ thông và chuyên biệt không chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh.
Sự đa dạng được đánh giá cao.	Sự đa dạng không được đánh giá cao.
Chú trọng đến điểm mạnh của học sinh.	Chú trọng đến điểm yếu của học sinh.
Với phương pháp dạy học đa dạng, học sinh tham gia vào các hoạt động chung và đạt được các kết quả khác nhau.	Với phương pháp dạy học và yêu cầu đã được chuẩn hoá, học sinh tham gia vào các hoạt động riêng biệt.
Cân bằng hiệu quả giữa kiến thức và kĩ năng xã hội.	Chỉ chú trọng đến hiệu quả về mặt kiến thức.
Lập kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.	Không có kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.

* *Tính tất yếu của giáo dục hoà nhập:*

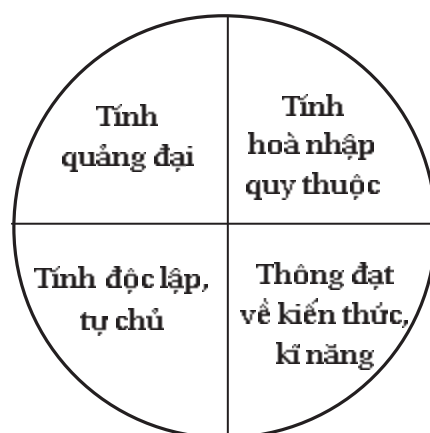
– Đáp ứng mục tiêu giáo dục:

+ UNESCO đã đề ra 4 mục tiêu đào tạo con người như sau:

- Học để làm người.
- Học để biết.
- Học để làm.
- Học để cùng chung sống.

+ Về thực chất, các mục tiêu trên có nhiều điểm trùng với mục tiêu giáo dục các thành viên trong cộng đồng của người da đỏ đã đưa ra cách đây hàng nghìn năm.

Theo quan điểm của họ, mỗi người dân da đỏ muốn tồn tại được cần phải phấn đấu đạt được đồng đều 4 phần của “Vòng can đảm” sau:



+ Trong giáo dục hoà nhập, cả bốn mục tiêu trên đều cần đạt được ở mỗi trẻ là thành viên chính thức của cộng đồng. Xem xét từng nhóm mục tiêu để thấy được yêu cầu đối với trẻ như sau:

- **Tính hoà nhập, quy thuộc:**
 - ✓ Có bạn bè, có thể kết bạn và giữ mối quan hệ tốt.
 - ✓ Được chung sống và cùng làm việc với người khác trong cộng đồng, xã hội.
 - ✓ Được là thành viên của gia đình, cộng đồng.
 - ✓ Các em được chào đón và đều được đánh giá như nhau.
 - ✓ Các em phải biết sống hoà nhập, hợp tác với nhau trong một tập thể, các em được phụ thuộc một cách tích cực.
- **Thông đạt kiến thức, kĩ năng:**
 - ✓ Thành đạt và có khả năng tốt trong một hoặc một vài lĩnh vực; được phát triển toàn diện; có tư duy linh hoạt và năng lực giải quyết các vấn đề; có động cơ đúng đắn; có tri thức văn hoá và có khả năng làm chủ kĩ thuật. Được tiếp tục học tập và có khả năng cao trong lĩnh vực quan tâm.
 - ✓ Trẻ phải được tiếp thu những tri thức, kĩ năng cơ bản, cần thiết phù hợp với nhu cầu và năng lực của mỗi em. Mỗi đứa trẻ có những khả năng khác nhau trong các lĩnh vực khác nhau. Để đạt được mục tiêu này, trong quá trình giáo dục luôn chú ý đến điều trên. Khi đã có kiến thức và kĩ năng, các em phải có thái độ đúng, ứng xử một cách linh hoạt với mọi vấn đề đặt ra.

- **Tính độc lập:**

- ✓ Có cơ hội chọn nghề và niềm tin, yêu vài công việc đã chọn; có trách nhiệm cá nhân cao, chịu trách nhiệm về hành động và quyết định của mình; được độc lập trong mọi lĩnh vực.
- ✓ Cần luôn luôn dạy trẻ có lòng tự trọng, tự tin, tự học hỏi, biết chấp nhận, tiếp nhận thông tin để phát triển. Có độc lập tự chủ mới có sáng tạo. Những điều này rất cần cho cuộc sống lao động, hội nhập cộng đồng trong tương lai khi trẻ đã trưởng thành.
- **Có tính quảng đại, lòng hào hiệp:**

Trẻ được đóng góp cho gia đình và xã hội; có lòng nhiệt tình; yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ người khác.

Trẻ được học tập, được sự giúp đỡ của mọi người trong quá trình tiếp nhận thông tin, lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng và tiến đến trình độ làm việc độc lập, sáng tạo. Lúc này trẻ phải thể hiện giá trị của mình bằng sự cống hiến cho xã hội. Đây là mục tiêu rất quan trọng. Mục tiêu này định hướng giá trị của mỗi người trước những vấn đề của cuộc sống, thực tiễn đặt ra. Trong cuộc sống, sự giúp đỡ lẫn nhau là tất yếu. Mỗi người nhận được sự giúp đỡ lúc này và phải giúp đỡ người khác khi cần.

Những nhà giáo dục hiểu biết về chương trình giáo dục cho thế kỷ XXI đều thống nhất quan điểm: giáo dục cho mọi trẻ em. Một nền giáo dục có hiệu quả cần thay đổi chương trình, phương pháp dạy học, tổ chức và thực hành (tăng cường hợp tác học tập theo nhóm, trẻ em là chủ thể của lĩnh hội kiến thức, cùng tham gia một cách tích cực; chú trọng kỹ năng xã hội và giao tiếp...).

- **Thay đổi quan điểm giáo dục:**

Giáo dục trong nhà trường là đào tạo ra những con người cho xã hội của tương lai và những kỹ năng, thái độ và thiên hướng sẽ cần cho xã hội. Thực tế nhiều trường học hiện nay vẫn còn được xây dựng và hoạt động theo các quan điểm của những thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Trước đây người ta đã quyết định rằng cần phải phân loại trẻ em càng kỹ càng tốt. Bằng thang đo trí lực cho biết chỉ số trí tuệ IQ, trẻ em đã được chẩn đoán để có thể phát hiện ra các tài năng sớm. Những trẻ em sau khi đã được phân loại cần được dạy theo một chương trình riêng, theo một phương pháp riêng. Người ta cho rằng cách đào tạo này sẽ có hiệu quả

hơn. Thực tế đã chỉ ra rằng trẻ em được học kiểu này đã không phát triển hết các khả năng của mình, thậm chí còn bị lệch lạc trong phát triển.

Xu thế giáo dục đa trình độ, đa phương pháp và phát huy tính độc lập học tập hay sự tham gia tích cực của học sinh đã trở nên phổ biến. Hiện nay ở Việt Nam đang chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Phương pháp dạy học tập trung vào hoạt động của người học trở nên ngày càng phổ biến.

Những nhà giáo dục hiểu biết về chương trình giáo dục cho thế kỉ XXI chắc chắn hiểu và đồng tình với ý kiến: giáo dục cho mọi trẻ em. Một nền giáo dục có hiệu quả trong đó cần thay đổi chương trình, phương pháp dạy học, tổ chức và thực hành (tăng cường hợp tác học tập theo nhóm, trẻ em là chủ thể của lĩnh hội kiến thức, cùng tham gia một cách tích cực; chú trọng kĩ năng xã hội và giao tiếp...).

– Tính hiệu quả:

Được giáo dục trong môi trường hoà nhập, trẻ có những dạng khó khăn khác nhau đều tiến bộ hơn. Các tiềm năng của trẻ được khơi dậy và phát triển tốt hơn so với cách giáo dục trong môi trường khác. Thực tế hơn 10 năm tiến hành giáo dục hoà nhập ở Việt Nam và các kinh nghiệm giáo dục trên thế giới cho thấy tính hiệu quả đối với đối tượng trẻ, cụ thể:

- + Trẻ khuyết tật trí tuệ:
 - Xoá bỏ mặc cảm.
 - Giao tiếp phát triển nhanh.
 - Phát triển tính độc lập.
 - Học được nhiều hơn.
- + Trẻ khiếm thị:
 - Đi học gần nhà.
 - Có nhiều bạn bè.
 - Hội nhập dễ dàng.
 - Có cơ hội tìm việc làm.
- + Trẻ khiếm thính:
 - Học cách giao tiếp.
 - Hiểu nhau.

- Gây nhu cầu giao tiếp.
- Phát triển tư duy.
- + Trẻ khó khăn vận động:
 - Được phát triển tài năng.
 - Được bạn bè giúp đỡ.
 - Xoá bỏ dần sự lệ thuộc.
- Cơ sở pháp lí:
 - + Vấn đề bình đẳng trong việc có cơ hội học tập và nhiều quyền khác đã được nêu trong Công ước Quốc tế về quyền trẻ em (Điều 18, 23), trong Công ước về giáo dục cho mọi người và gần đây nhất, trong Tuyên ngôn về giáo dục đặc biệt Salamanca (Tây Ban Nha, 1994): "Giáo dục là quyền của con người và những người khuyết tật cũng có quyền được học trong các trường phổ thông và các trường đó phải được thay đổi để tất cả trẻ em đều được học".
 - + Tuyên ngôn về quyền con người của Liên hợp quốc được bổ sung trong Tuyên ngôn về quyền của những người tàn tật, trong đó đã nêu rõ: "Những người tàn tật phải có quyền được tôn trọng phẩm giá. Những người tàn tật dù họ có nguồn gốc gì, bản chất ra sao và sự bất lợi do bệnh tật gây ra như thế nào cũng đều có quyền bình đẳng như mọi người khác". Khái niệm bình đẳng được làm sáng rõ. Những nguyên tắc về quyền bình đẳng đối với người tàn tật (không có sự ám chỉ đến tật nguyên cụ thể) là những nhu cầu của mỗi người và của mọi cá nhân trong xã hội đều có tầm quan trọng như nhau. "Những nhu cầu đó cần được tôn trọng và đáp ứng nhằm đảm bảo cho mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển để tham gia một cách bình đẳng vào công việc trong xã hội".
 - + Năm 1983, 120 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc đã chấp nhận những nguyên tắc cơ bản về quyền của người tàn tật. Đặc biệt là quyền được giáo dục. Vấn đề giáo dục trẻ khuyết tật được thực hiện trong hệ thống nhà trường chung. Những luật pháp liên quan đến nền giáo dục bắt buộc sẽ bao gồm tất cả mọi trẻ em thuộc mọi dạng khuyết tật, kể cả những em bị khuyết tật nặng.
 - + Vấn đề đã được mở rộng trong Tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người (1990). Tuyên ngôn đã khuyến nghị các quốc gia phải quan tâm đến nhu cầu giáo dục đặc biệt của trẻ em khuyết tật và tạo điều kiện bình

đăng trong giáo dục cho mọi trẻ khuyết tật như là một bộ phận thiết yếu của hệ thống giáo dục quốc dân.

- + Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em một lần nữa nhấn mạnh đến các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật. Khái niệm về quyền trẻ em được làm sáng tỏ trên nguyên tắc cơ bản của các quyền trẻ em là xã hội có trách nhiệm đáp ứng những nhu cầu cơ bản của trẻ em và cung cấp các dịch vụ, sự giúp đỡ cần thiết cho sự phát triển của mỗi cá nhân về mọi mặt, nhân cách, năng lực, tài năng.
- + Công ước Quốc tế về Quyền của người khuyết tật (2008, Điều 24. Giáo dục) chỉ rõ: “Các quốc gia tham gia cần công nhận quyền học tập của người khuyết tật. Với quan điểm công nhận quyền này mà không phân biệt đối xử và dựa trên cơ hội bình đẳng, các quốc gia tham gia bảo đảm có một hệ thống giáo dục hoà nhập ở mọi cấp và chương trình học tập suốt đời, hướng tới các mục tiêu sau:
 - Phát triển đầy đủ tiềm năng, phẩm giá và giá trị của con người; tăng cường sự tôn trọng nhân quyền, quyền tự do cơ bản và tính đa dạng của con người.
 - Người khuyết tật có thể phát triển cá tính, tài năng và sự sáng tạo riêng của họ, cũng như những khả năng về trí tuệ và thể chất, để phát huy hết những tiềm năng của họ.
 - Đảm bảo người khuyết tật được tham gia hiệu quả trong một xã hội tự do.
- + Với việc công nhận quyền này, các quốc gia tham gia sẽ bảo đảm:
 - Người khuyết tật không bị tách ra khỏi hệ thống giáo dục chung vì lí do khuyết tật và trẻ em khuyết tật không bị tách ra khỏi cơ chế giáo dục tiểu học hoặc trung học cơ sở miễn phí và bắt buộc vì lí do khuyết tật.
 - Người khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở hoà nhập, có chất lượng và miễn phí, trên cơ sở bình đẳng với người khác trong cộng đồng nơi họ sinh sống.
 - Có những điều chỉnh hợp lí theo yêu cầu của từng người.
 - Người khuyết tật nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong hệ thống giáo dục chung, giúp họ học tập có hiệu quả.
 - Cung cấp các biện pháp hỗ trợ có hiệu quả, được thiết kế cho từng cá nhân, trong các điều kiện phát huy tối đa sự phát triển về học thức và xã hội, phù hợp với mục tiêu hoà nhập toàn diện.

- + Các quốc gia tham gia sẽ hỗ trợ để người khuyết tật có đời sống học tập và phát triển các kĩ năng xã hội nhằm tạo thuận lợi để họ tham gia đầy đủ và bình đẳng trong giáo dục cũng như mọi thành viên khác trong cộng đồng. Để đạt mục tiêu đó, các quốc gia tham gia phải thực hiện các biện pháp phù hợp, bao gồm:
 - Tạo thuận lợi cho việc học chữ nổi Braille, chữ viết in thay thế, các cách thức, phương tiện và hình thức giao tiếp bổ sung hay thay thế khác, các kĩ năng định hướng và di chuyển, tạo thuận lợi cho hỗ trợ đồng đẳng và tư vấn của các chuyên gia.
 - Tạo thuận lợi cho việc học ngôn ngữ kí hiệu và thúc đẩy việc thống nhất ngôn ngữ trong cộng đồng người khiếm thính.
 - Bảo đảm việc giáo dục con người, đặc biệt là giáo dục trẻ em khiếm thị, khiếm thính, hoặc vừa khiếm thính vừa khiếm thị, được thực hiện theo ngôn ngữ, cách thức và phương tiện giao tiếp phù hợp nhất cho từng cá nhân và trong những môi trường phát huy tối đa sự phát triển về học thức và xã hội.
- + Để bảo đảm công nhận quyền này, các quốc gia tham gia sẽ thực hiện các biện pháp phù hợp để tuyển dụng các giáo viên, bao gồm các giáo viên là người khuyết tật, những người có đủ trình độ về chữ nổi Braille và/hoặc ngôn ngữ kí hiệu, và đào tạo đội ngũ chuyên gia và nhân viên, những người làm việc ở mọi cấp học của ngành Giáo dục. Các chương trình đào tạo đó sẽ kết hợp với nhận thức về khuyết tật và việc sử dụng các cách thức, phương pháp và dạng giao tiếp bổ sung hay thay thế, các kĩ thuật và vật liệu giáo dục phù hợp để hỗ trợ người khuyết tật.

Các quốc gia tham gia sẽ bảo đảm người khuyết tật có thể tiếp cận với bậc đại học hoặc cao đẳng, hệ dạy nghề, giáo dục dành cho người lớn và chương trình học tập suốt đời chung, dựa trên cơ sở bình đẳng với người khác và không bị phân biệt đối xử. Để đạt được điều đó, các quốc gia tham gia sẽ bảo đảm cung cấp sự điều chỉnh hợp lí dành cho người khuyết tật.

Trong Luật Phổ cập giáo dục, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (2004), Luật Chăm sóc sức khỏe ban đầu; Luật Giáo dục (2005), Luật Người khuyết tật (2010)... cũng đều có đề cập đến vấn đề trẻ khuyết tật được có quyền như mọi trẻ em và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện, ưu tiên thực hiện các quyền đó.

– Sự gia tăng dân số và trẻ khuyết tật:

Sự gia tăng dân số kéo theo số trẻ khuyết tật ngày càng tăng. Theo số liệu của Tổ chức Y tế Thế giới, khi nền văn minh nhân loại càng phát triển, thì tỉ lệ trẻ khuyết tật càng tăng hay nói cách khác, tỉ lệ trẻ khuyết tật tăng theo nền văn minh nhân loại. Cũng theo tổ chức này, hiện tại tỉ lệ người khuyết tật trên thế giới là 8 – 10% dân số, con số này sẽ tăng lên 12 – 15% vào năm 2020. So sánh giữa hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh ta thấy TP. Hồ Chí Minh được đô thị hoá mạnh hơn, có thu nhập cao hơn thì số trẻ điếc cũng cao hơn. Cũng theo số liệu của ông Barry Wright, Giám đốc Chương trình Giáo dục Trẻ khiếm thính tại Việt Nam do Ủy ban II Hà Lan tài trợ, hằng ngày có 8 trẻ em sinh ra có khuyết tật thính giác. Như vậy, hằng năm, nước ta sẽ có khoảng 3.000 trẻ khiếm thính ra đời. Mặt khác trong quá trình sinh sống, do những nguyên nhân khác nhau, hằng ngày có khoảng 12 trẻ em bị mắc tật thính giác. Như vậy, với 15 năm trong độ tuổi đi học chúng ta sẽ có tới 100.000 trẻ khiếm thính. Điều đó đặt ra yêu cầu lớn cho công tác giáo dục trẻ khiếm thính. Trong khi với sự nỗ lực trong nhiều năm, các trường chuyên biệt của chúng ta mới chỉ có chỗ ngồi cho chưa đến 4.000 trẻ trong 92 cơ sở giáo dục chuyên biệt loại trẻ này.

– Tính kinh tế:

Chi phí cho một học sinh học hoà nhập đỡ tốn kém hơn so với học chuyên biệt. Bởi vì, nó sử dụng được cơ sở vật chất sẵn có trong trường học; sử dụng được nguồn lực của nhà trường, của cộng đồng và phụ huynh trẻ, học sinh cùng trang lứa... Điều đó cũng sẽ tạo điều kiện cho nhiều trẻ được đi học.

3. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích môi trường giáo dục hoà nhập đối với sự phát triển của trẻ.
- Nêu các tiêu chí xác định thế nào là giáo dục hoà nhập.
- Môi trường giáo dục hoà nhập có những đặc điểm nào tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật phát triển hết khả năng của mình?
- Giáo dục hoà nhập sẽ gặp những trở ngại nào? Cách khắc phục ra sao?
- Nếu bạn có con, cháu, người thân khuyết tật, bạn mong muốn những trẻ đó có cuộc sống như thế nào và họ cần có những phẩm chất gì?
- Nhà trường phải thay đổi thế nào để thực hiện tốt các văn bản pháp quy của quốc tế và Việt Nam về giáo dục hoà nhập?

- Cộng đồng cần tham gia vào giáo dục hoà nhập như thế nào để mọi trẻ khuyết tật được tới trường so với hiện trạng đang tồn tại ở địa phương bạn?

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm học sinh khiếm thính

1. NHIỆM VỤ

Bạn đã đọc những tài liệu về trẻ khiếm thính, đã tiếp xúc, thực hiện giáo dục hoà nhập cho những trẻ này. Bạn nhớ lại và viết ra theo những gợi ý sau:

- Trẻ khiếm thính là:

- Các mức độ khiếm thính:

- Các loại khiếm thính:

- Đặc điểm của trẻ khiếm thính:

- **Dấu hiệu biểu hiện:**

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- Trẻ khiếm thính là trẻ có khiếm khuyết hoặc suy giảm sức nghe ở các mức độ khác nhau dẫn tới khó khăn về giao tiếp.
- Dựa vào mức độ suy giảm thính lực, người ta chia ra các mức độ khiếm thính khác nhau sau:
 - + Khiếm thính mức 1 (nhẹ): mất từ 20 – 40 dB.
 - + Khiếm thính mức 2 (vừa): mất từ 41 – 70 dB.
 - + Khiếm thính mức 3 (nặng): mất từ 71 – 90 dB.
 - + Khiếm thính mức 4 (sâu): mất trên 90 dB.
- Tùy theo vị trí bị tổn thương (tai ngoài, tai giữa hay tai trong) người ta chia ra làm 2 loại điếc (khiếm thính):
 - + Điếc dẫn truyền: Bị tổn thương ở tai ngoài và tai giữa.
 - + Điếc tiếp nhận: Bị tổn thương ở tai trong.

Ngoài ra, sự thiếu hụt về giải phẫu và sinh lí (không có vành tai, ống tai... hoặc có nhưng không hoạt động) của cơ quan thính giác cũng gây ra tật thính giác.

- Trẻ khiếm thính có nhiều loại, ở nhiều mức độ khác nhau, được sống trong những môi trường có những điều kiện khác nhau và được hưởng sự giáo dục khác nhau. Do đó ở mỗi em có những đặc điểm khác nhau trong quá trình phát triển. Tuy nhiên tất cả trẻ đều những đặc điểm cơ bản giống nhau:
 - + Hầu hết trẻ khiếm thính, đặc biệt là những trẻ điếc nặng, điếc sâu là những người học bằng mắt. Trẻ hiểu biết và nhận biết thế giới xung quanh cũng như giao tiếp với mọi người bằng đôi mắt của mình.
 - + Phần lớn trẻ khiếm thính gặp rất nhiều khó khăn trong học nói. Do giảm hay mất khả năng nghe nên trẻ không thể tiếp thu tiếng nói qua đường thính giác, mà phải dựa vào năng lực nhìn của mình. Cho nên khi nói, trẻ không thể nói đúng, nói chính xác được. Tiếng nói của trẻ không rõ ràng, sai nhiều về âm, vần, thanh điệu và cả cấu trúc câu. Do đó, tiếng nói không được dùng làm phương tiện chủ yếu trong giao tiếp, nhất là đối với trẻ bị điếc nặng.
 - + Nhu cầu giao tiếp với mọi người ở trẻ khiếm thính rất phát triển. Trẻ luôn muốn giao tiếp với mọi người, muốn hiểu mọi người và hiểu những suy nghĩ, ý kiến của mình với người khác. Trẻ thường dùng cách riêng của mình để thoả mãn những nhu cầu đó – ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ. Nhưng mọi người không hiểu hoặc hiểu không đầy đủ trẻ qua ngôn ngữ kí hiệu. Ngược lại, khi nói chuyện với trẻ, chúng ta chỉ biết dùng ngôn ngữ nói – một phương tiện gây nhiều trở ngại cho trẻ điếc tiếp nhận thông tin.
 - + Mặc dù bị mất khả năng nghe, nhưng hầu hết trẻ khiếm thính đều có thể học nói. Tiếng nói ở trẻ khi phát ra có thể không rõ ràng, sai nhiều, nhưng nó là phương tiện hỗ trợ cho trẻ có thể giao tiếp với mọi người và ngược lại mọi người có thể giao tiếp với trẻ.
 - + Chính vì những nguyên nhân trên làm cho trẻ khiếm thính ngại giao tiếp với mọi người. Lâu dần tính tự ti, mặc cảm thua kém bạn bè làm cho trẻ xa lánh mọi người. Mọi người cũng ngại giao tiếp với trẻ, dần dần trẻ bị cô lập trong cộng đồng. Điều này có ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách ở trẻ.
 - + Nhìn chung trẻ khiếm thính có chỉ số thông minh không thua kém trẻ nghe rõ. Quá trình nhận thức ở trẻ giống những trẻ bình thường khác.

Tuy nhiên khoảng 30% số trẻ khiếm thính do khả năng nghe còn lại rất ít, không thể làm phương tiện để nhận thức thế giới xung quanh, cho nên trẻ phải sử dụng phương tiện chính là nhìn và ngôn ngữ kí hiệu – nghĩa là trẻ có cách học, cách hiểu khác với trẻ nghe rõ.

- Những biểu hiện cơ bản của trẻ khiếm thính:
 - + Những đặc điểm bên ngoài:
 - Mất vành tai.
 - Tắc ống tai do viêm hoặc ráy tai.
 - Cháy mũ tai.
 - ...
 - + Những đặc điểm khi tiếp nhận âm thanh từ môi trường xung quanh:
 - Không có những phản ứng (giật mình) với những tiếng động mạnh bất thành hình.
 - Khi nghe hay để tay lên tai hướng về phía âm thanh hoặc nghiêng về phía âm thanh phát ra.
 - Chú ý khi nghe thấy tiếng động.
 - Nhìn chăm chú vào mặt người đối thoại.
 - Không có phản ứng khó chịu với những tiếng ồn lớn, tiếng nói quá to, tiếng nhạc âm í...
 - Hay dùng cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi giao tiếp.
 - Hay bắt chước.
 - Hay đáp ứng không đúng những câu hỏi bằng lời.
 - Thường hay yêu cầu nhắc lại.
 - + Đặc điểm về tiếng nói, ngôn ngữ:
 - Không hay nói (ngại nói chuyện).
 - Khi nói trẻ thường: hay nói nhát gừng từng từ một, chú ý phát âm từ hay cả câu, phát âm sai nhiều, hay nói to hơn mức cần thiết, nói với giọng mũi hoặc giọng cao.
 - Vốn từ ngữ nghèo nàn.
 - Viết chính tả mắc lỗi nhiều.
 - Khả năng đọc kém.

3. ĐÁNH GIÁ

Cho biết ý kiến của bạn bằng cách đánh dấu x vào một ô tương ứng dưới đây:

TT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Trẻ khiếm thính là những trẻ không nghe được.		
2	Trẻ khiếm thính có chung một đặc điểm chính là “không nghe” và “không nói” được.		
3	Trẻ khiếm thính ở nhiều mức độ khác nhau.		
4	Trẻ khiếm thính không thể học nói được.		
5	Ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ là phương tiện duy nhất để trẻ giao tiếp với mọi người.		
6	Trẻ điếc có nhận thức khác với trẻ nghe được bình thường.		
7	Trẻ khiếm thính không thể học được.		
8	Trẻ khiếm thính muốn xa lánh với mọi người.		
9	Trẻ khiếm thính thích bắt chước mọi người.		
10	Chỉ có nhà chuyên môn mới có thể phát hiện trẻ khiếm thính.		

Nội dung 2

THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO HỌC SINH KHIẾM THÍNH

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Phân tích được thiết kế và thực hiện bài học hoà nhập hiệu quả có học sinh khiếm thính.
- Phân tích được các kĩ năng đặc thù trong dạy học hoà nhập có học sinh khiếm thính.

1.2. Kĩ năng

- Phát triển được bài học hoà nhập hiệu quả có học sinh khiếm thính.

- Sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học hoà nhập có học sinh khiếm thính.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn và tin tưởng vào việc lĩnh hội tri thức của học sinh khiếm thính.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

Tài liệu tham khảo:

- + *Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thính cấp tiểu học*, NXB Lao động, 2006.
- + *Phương pháp giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật*, NXB Giáo dục, 2006.
- + *Quản lí giáo dục hoà nhập*, NXB Phụ nữ, 2010.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Thiết kế và thực hiện bài học có hiệu quả cho học sinh khiếm thính

1. NHIỆM VỤ

Để thiết kế và thực hiện hiệu quả bài học cho học sinh khiếm thính trong dạy học hoà nhập, bạn suy nghĩ và làm rõ một số vấn đề sau:

- Quan điểm tiếp cận tổng thể trong thiết kế giờ học hoà nhập:

- Tiến trình thiết kế và tiến hành bài học theo quan điểm này:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

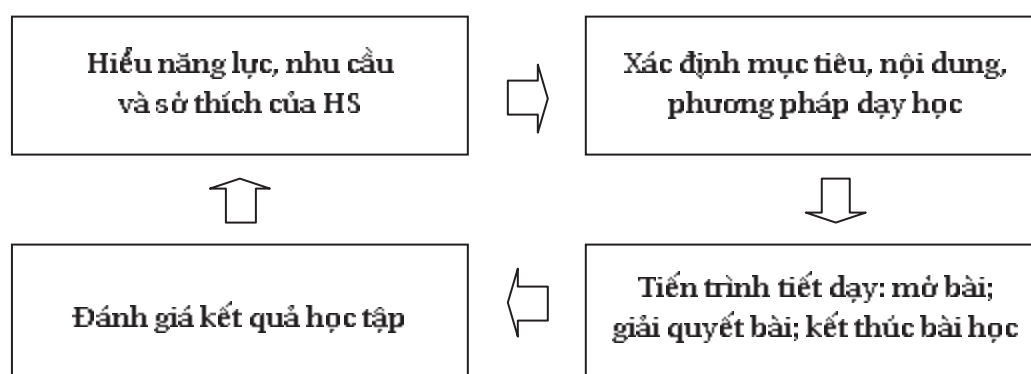
a. Tiếp cận tổng thể trong thiết kế giờ học hoà nhập có hiệu quả

Trong dạy học hoà nhập có trẻ khuyết tật, đặt nhiệm vụ: học sinh khuyết tật có thể học được cùng với các học sinh bình thường khác, mà không làm ảnh hưởng tới lớp học. Việc dạy học hoà nhập có trẻ khuyết tật có những nét đặc thù riêng. *Thứ nhất*, học sinh khuyết tật phải được học chung bài học theo phân phối chương trình hay kế hoạch dạy học được

quy định trong chương trình quốc gia. Chương trình phổ thông được coi là pháp lệnh của mỗi quốc gia đòi hỏi những kiến thức, kĩ năng chuẩn mực mà học sinh cần phải nắm bắt được sau mỗi bậc học, năm học, thậm chí mỗi bài học và giờ học và phải có thái độ nhất định. Căn cứ vào "đầu ra mong muốn" các kiến thức, kĩ năng được sắp xếp theo một trật tự nhất định, thể chế qua các tư liệu học tập: sách giáo khoa, các phiếu bài tập, các phương tiện... trong các môn học, để đạt mục tiêu chung.

Thứ hai, học sinh khuyết tật cần học theo chương trình riêng, được xây dựng với những mục tiêu, kế hoạch cụ thể được thể hiện trong sổ theo dõi tiến bộ của học sinh. Như vậy, khi thiết kế kế hoạch bài học, giáo viên cùng một lúc phải lựa chọn, xem xét cả hai loại chương trình quốc gia và cá nhân. Khi xây dựng kế hoạch giờ học hoà nhập có trẻ khuyết tật, giáo viên thiết kế chung cho cả lớp, sau đó mới tiến hành điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với cá nhân trẻ khuyết tật. Việc làm này thường mất nhiều thời gian, mà nhiều khi không đáp ứng được cho cả trẻ bình thường và trẻ khuyết tật nên phải "đập đi" làm lại. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi sử dụng cách thiết kế bài học hoà nhập theo cách tiếp cận tổng thể. *Thiết kế tổng thể là khái niệm để chỉ việc tính trước các kết quả và môi trường để khi thực hiện bài học giáo viên đã có sẵn các giải pháp dự kiến cho từng nội dung hoạt động của cả trẻ bình thường và trẻ khuyết tật.*

b. Tiến trình thiết kế và tiến hành bài học hoà nhập có hiệu quả theo tiếp cận tổng thể



* *Tìm hiểu năng lực, nhu cầu và sở thích của trẻ:*

Mỗi giáo viên trước khi tiến hành tiết học cần biết về những khả năng, điểm mạnh, cách thức học cũng như sở thích của học sinh khuyết tật. Những yếu tố này rất cần thiết để xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung và tổ chức các hoạt động tiết học. Để biết được những yếu tố này, cần xem xét kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật trong sổ theo dõi sự tiến bộ của trẻ, xem xét cách thức dạy trước đây, trao đổi với những giáo viên lớp trước, phụ huynh học sinh, tìm hiểu thông qua trẻ khác, xem xét các sản phẩm cũng như cách thức trẻ thể hiện những điều trẻ biết, những hành vi, giao tiếp của trẻ trong các môi trường, tình huống khác nhau ở nhà, ở lớp, trường. Sở thích của trẻ là chất "xúc tác" mạnh mẽ giúp trẻ có hứng thú, tạo ra các động cơ học tập của trẻ. Sở thích của học sinh còn nói lên cách thức học của học sinh. Những yếu tố này, có thể sắp xếp theo 8 dạng năng lực do Haward Gardner đề xuất. Dựa trên những năng lực, điểm mạnh này sẽ thiết kế và tiến hành các bước tiếp theo.

* *Xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp tiến hành bài học:*

– Xác định mục tiêu:

+ Mục tiêu bài học hoà nhập cần được xác định dựa trên các những cơ sở:

- *Một là*, mục tiêu của giờ học đã được xác định cụ thể trong từng bài học theo 3 nội dung chính: kiến thức trẻ cần lĩnh hội, kĩ năng cụ thể cần được hình thành, rèn luyện và thái độ đối với những kiến thức và kĩ năng đó.
- *Hai là*, dựa trên những thông tin về trẻ: những kiến thức và mức độ kiến thức mà trẻ đã biết; kĩ năng và mức độ kĩ năng mà trẻ đã có; thái độ của trẻ... Thực tế cho thấy, mọi trẻ em bao gồm cả trẻ khuyết tật đều có vốn sống nhất định. Do vậy, không phải tất cả những kiến thức, kĩ năng và thái độ trong một giờ học cụ thể đều là mới và đồng đều đối với mọi trẻ. Để thiết kế một giờ học, chúng tôi liệt kê toàn bộ những kiến thức, kĩ năng và thái độ theo yêu cầu của giờ học và phân loại chúng theo các mức độ: tối thiểu, nâng cao và mở rộng.
- *Ba là*, dựa trên thang mức độ nhận thức Bloom, xem trong giờ học, mỗi học sinh có thể đạt đến một mức độ nhận thức nhất định nào? Mức độ đạt được đó, biểu hiện qua những hành vi và hoạt động cụ thể? Những mức độ, trải từ thấp đến cao đều có những hành vi điển hình tương ứng, được thể hiện trong thang mức độ nhận thức Bloom. Đây là một công cụ quan trọng giúp giáo viên xác định mức độ nhận thức cho cả lớp và riêng

học sinh khuyết tật. Vì vậy, tuy học cùng một nội dung nhưng mức độ nắm bắt các kiến thức và kĩ năng của trẻ khuyết tật có thể giống hoặc khác với trẻ bình thường trong lớp học.

Những cơ sở trên có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mục tiêu tiết học sát với học sinh. Đồng thời, giúp giáo viên tránh được hiện tượng “dạy lại”, làm học sinh không hứng thú, kém thách thức và sẽ không có cơ hội để “khám phá”. Ngược lại, nếu mục tiêu xây dựng quá cao, học sinh sẽ không đủ năng lực để “chiếm lĩnh” kiến thức, kĩ năng.

Mục tiêu tiết học cho từng học sinh khuyết tật rất đa dạng trong phạm vi, mức độ nhuần nhuyễn trong từng giờ học so với mục tiêu chung của cả lớp. Cụ thể, trong giờ học, học sinh khuyết tật phải nắm bắt cùng một nội dung, nhưng ở những mục tiêu nhận thức khác nhau, đòi hỏi thời gian không giống nhau, cách thể hiện những gì nắm bắt được khác nhau. Vì vậy, trong giờ học hoà nhập cần xác định mục tiêu chung cho cả lớp và mục tiêu riêng cho trẻ khuyết tật. Mục tiêu đó phải là mục tiêu hành vi.

Mục tiêu hành vi:

Thiết kế giờ học, chúng tôi xác định mục tiêu hành vi, gồm 4 thành tố sau đây:

Điều kiện để trẻ đạt được mục tiêu (thực hiện hành vi).

- 1) Xác định đối tượng học sinh đó là ai?
- 2) Xác định hành vi và điều kiện thể hiện hành vi của trẻ.
- 3) Xác định tiêu chí để đánh giá hành vi của trẻ.

Ví dụ 1: Thiết kế bài học hoà nhập cho học sinh lớp 3A, trường Tiểu học Trung Sơn, Lương Sơn, Hoà Bình, môn Tự nhiên và Xã hội, bài 39: “Bò”¹:

Mục tiêu chung cho mọi trẻ:

- Được quan sát, được trao đổi nhóm, được nghe giới thiệu, học sinh mô tả được bằng lời đặc điểm cấu tạo bên ngoài, điều kiện sống, ích lợi của bò, sự khác nhau giữa trâu và bò, bò thịt và bò sữa, với độ chính xác 90% trong thời gian 5 phút.
- Điều kiện: Được quan sát (tranh, ảnh, thăm vườn thú...), được trao đổi, được giới thiệu về bò...

¹ SGK lớp 3, NXB Giáo dục, 2001, tr.

- Hành vi có thể quan sát được: diễn đạt so sánh bằng lời đặc điểm cấu tạo bên ngoài, điều kiện sống, ích lợi của bò và sự khác nhau giữa trâu và bò, bò thịt và bò sữa
- Đánh giá: 90% độ chính xác trong thời gian 4 phút.

Mục tiêu riêng dành cho trẻ khiếm thính, học lớp 3A:

- Được quan sát, được trao đổi nhóm, được nghe giới thiệu (bằng cử chỉ/ tranh vẽ...), HS H mô tả được bằng cử chỉ, tranh vẽ, với sự giúp đỡ của giáo viên, đặc điểm cấu tạo bên ngoài, điều kiện sống, ích lợi của bò, sự khác nhau giữa trâu và bò, bò thịt và bò sữa với độ chính xác 70% trong thời gian 5 phút.
- Điều kiện: Được quan sát (tranh, ảnh, thăm vườn thú...), được trao đổi, được giới thiệu về bò...
- Hành vi có thể quan sát được: diễn đạt, so sánh bằng cử chỉ, tranh vẽ đặc điểm cấu tạo bên ngoài, điều kiện sống, ích lợi của bò và sự khác nhau giữa trâu và bò, bò thịt và bò sữa.
- Đánh giá: 70% độ chính xác trong thời gian 5 phút.

Với cách thể hiện này, giáo viên hình dung được toàn bộ hoạt động cần tiến hành để đạt tới mục tiêu, cách thức tiến hành, kết quả mong muốn và tiêu chí đánh giá kết quả bài học cho đối tượng cụ thể. Điều đó, được thể hiện ở các điểm sau đây:

Đối tượng trẻ, là học sinh của lớp mình với những kinh nghiệm sống, kiến thức, kỹ năng, thái độ và sở thích cụ thể.

Điều kiện thực hiện hành vi là các hoạt động với những phương pháp và phương tiện... giáo viên cần tạo ra để trẻ tự khám phá, lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

Hành vi kiểm soát được thực chất là yêu cầu, mong muốn của bài học. Những mong muốn này có thể kiểm soát được qua các giác quan: nghe, nhìn...

Đánh giá cho biết hành vi của trẻ biểu hiện qua các hoạt động cụ thể với số lượng, thời gian và độ chính xác...

Mục tiêu hành vi giúp giáo viên thực tế hơn trong giảng dạy, tránh được hiện tượng chung chung hoặc "dạy lại" nhiều lần hoặc quá "xa vời" với trẻ. Việc xây dựng mục tiêu theo kiểu hành vi, giúp giáo viên biết cách áp dụng một cách thiết thực và sáng tạo trong hướng dẫn giảng dạy chung vào điều kiện cụ thể của lớp mình.

Mục tiêu hành vi giúp cho các nhà quản lý kiểm soát được sự chuẩn bị bài soạn của giáo viên, tránh được hiện tượng "sao chép" máy móc từ năm này qua năm khác, từ giáo viên này sang giáo viên khác mà không dựa vào thực tế của địa phương mình, cho đối tượng học sinh thực của mình.

– Xác định nội dung bài học:

Căn cứ vào những mục tiêu, giáo viên lựa chọn những nội dung cần làm rõ, cần tập trung luyện tập. Trên cơ sở nội dung chung đã được trình bày trong sách giáo khoa. Những nội dung cần làm rõ này, cũng đa dạng đối với học sinh ở các vùng miền khác nhau, học sinh trong cùng một trường, thậm chí trong cùng một lớp. Ví dụ, bài "Bò", môn Tự nhiên Xã hội lớp 3, đối với học sinh trong thành phố, việc phân biệt bò với trâu, bò thịt với bò sữa... là nhiệm vụ không dễ dàng thực hiện. Song, học sinh ở vùng nông thôn, do hằng ngày vẫn tiếp xúc với trâu, bò... lại không gặp khó khăn gì. Nên nội dung cần nhấn mạnh lại là: cách thức chăm sóc bò...

Trong lớp hoà nhập, tính đa đối tượng là một đặc trưng cơ bản. Do sự khác nhau về năng lực, nhu cầu của học sinh khuyết tật so với các đối tượng học sinh bình thường trong lớp mà việc điều chỉnh chương trình và lựa chọn những nội dung, phương pháp phù hợp là hết sức cần thiết. Điều chỉnh nội dung bài học là một giải pháp hữu hiệu. Có hai hướng điều chỉnh nội dung:

Hạ thấp yêu cầu hoặc thay đổi hình thức thể hiện nội dung: áp dụng cho những nội dung đặc thù mà trẻ khuyết tật không thể thực hiện được (như môn Hát – nhạc, Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện...). Trong những giờ học này, học sinh khuyết tật có thể múa hoặc đánh nhịp thay vì hát bằng lời; làm ngôn ngữ kí hiệu thể hiện nội dung bài tập đọc hoặc đọc bằng chữ cái ngón tay một vài câu, một đoạn trong bài; chép lại bài chính tả thay vì nghe – đọc để viết; kể chuyện thay bằng ngôn ngữ kí hiệu (kịch câm)...

Tìm nội dung thay thế: áp dụng đối với những học sinh khuyết tật có mức độ nhận thức thấp hơn nhiều so với trình độ trung bình chung, không thể theo kịp tốc độ học tập của cả lớp. Trong trường hợp này, giáo viên sẽ tìm những nội dung học sinh khuyết tật có thể thực hiện được để thay thế. Ví dụ, học tập viết trong giờ tập đọc, học vẽ trong giờ tự nhiên – xã hội... Những nội dung này có khi không liên hệ gì cả với nội dung bài mà cả lớp đang thực hiện.

- Xác định, sắp xếp các hoạt động dạy – học và phương pháp tiến hành:

Hình thức thể hiện của giờ học là cách thức tổ chức các trải nghiệm học tập, chỉ ra con đường tri thức đến với học sinh và cách thức học sinh làm việc với nội dung. Giáo viên có thể chọn các cách khác nhau để thể hiện giờ học, như tiếp cận chủ đề, tự tìm kiếm, điều tra, tự khám phá, đối thoại trực tiếp, trò chơi, đóng vai, dựa vào hoạt động... Những hình thức trên cho phép sử dụng nhiều giác quan, tích cực, giao lưu và rộng mở hơn, so với các phương pháp truyền thống như giảng giải... Việc này cần dựa vào mục tiêu về kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với học sinh. Sắp đặt phương thức hoạt động của học sinh, chỉ ra khi nào học sinh làm việc một mình, tham gia với tư cách là một thành viên trong nhóm lớn, điều khiển nhóm nhỏ... thể hiện trong các hoạt động học tập. Có hoạt động dạy học trong lớp sau đây: 1) giáo viên dạy cho cả lớp; 2) giáo viên dạy nhóm nhỏ; 3) học sinh tự học trong nhóm nhỏ; 4) kèm cặp cá nhân; 5) học một mình; 6) học từng đôi... Không có phương pháp dạy học nào đa năng, có hiệu quả cho tất cả các bài học. Căn cứ vào mục tiêu và nội dung bài học, giáo viên cần lựa chọn những phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh.

Trong các hình thức tổ chức dạy học hoà nhập có trẻ khuyết tật, thì phương thức học tập theo nhóm có thể coi là cách thức tổ chức dạy học chủ công, cần được thực hiện nhiều hơn. Vì nó huy động tối đa sự tham gia tích cực của học sinh vào bài học, trong đó học sinh khuyết tật có thể tham gia được với sự hỗ trợ của các bạn trong nhóm và giáo viên. Để tổ chức hoạt động nhóm có hiệu quả, nên để học sinh khuyết tật vào nhóm có bạn thân, phân công trách nhiệm công bằng như những thành viên khác của nhóm. Tạo điều kiện để học sinh khuyết tật phát biểu ý kiến trước, chấp nhận các cách diễn đạt riêng và nên động viên khuyến khích các em trong mọi trường hợp...

- * *Thiết kế tiến trình giờ học:*

Cấu trúc của bất kì giờ học nào cũng gồm các khâu: mở bài, giải quyết bài và kết bài. Toàn bộ các khâu đều phải bám sát theo mục tiêu, hướng vào mục tiêu. Tuy nhiên, nhiệm vụ của mỗi khâu lại có những điểm khác nhau.

- Mở bài:

Nhiệm vụ chủ yếu của mở bài là làm cho học sinh định hướng bài học và có hứng thú tham gia vào các hoạt động học tập. Đồng thời, có thái độ

học tập đúng đắn. Để làm được điều này, học sinh cần được tham gia ngay vào trong quá trình mở bài. Mở bài cần đáp ứng được 3 yêu cầu: 1) Học sinh thấy được sự cần thiết của bài học; 2) Gây hứng thú cho học sinh tập trung vào bài học; 3) Nhiều học sinh tham gia được.

– Giải quyết bài học:

Các mục tiêu của tiết học được giải quyết chủ yếu qua khâu giải quyết vấn đề. Đây là khâu chiếm hầu hết thời gian của một giờ học. Ở đây, diễn ra các hoạt động trí tuệ phối hợp của giáo viên và học sinh thông qua các hoạt động do giáo viên chỉ đạo.

Ở khâu giải quyết bài học, giáo viên phải duy trì thường xuyên mối quan hệ với tất cả học sinh thông qua phương pháp vấn đáp, giao nhiệm vụ và giám sát theo dõi hoạt động học tập của học sinh. Dưới đây là những vấn đề giáo viên cần lưu ý để đảm bảo giải quyết vấn đề có hiệu quả trong giờ học có trẻ khuyết tật:

- + Giải thích có hiệu quả: giáo viên tổ chức chuyển tải thông tin bằng các phương tiện giao tiếp phù hợp với trẻ khuyết tật một cách logic, sinh động. Đưa ra ví dụ điển hình, đơn giản về vấn đề cần đề cập. Trình bày thông tin phù hợp, có động, chính xác. Trình bày mẫu và ví dụ trước. Đặc điểm của ví dụ điển hình là nhấn mạnh được những đặc điểm chính, không gây ra sự nhầm lẫn hoặc tranh cãi.
- + Sử dụng bảng có hiệu quả: Giải thích bằng ngôn ngữ phù hợp, có thể là ngôn ngữ nói, chữ cái ngôn tay, ngôn ngữ kí hiệu, giao tiếp tổng hợp, kí lưỡng trước khi viết chữ lên bảng. Phải tiến hành như vậy, bởi lượng tri thức giáo viên cần truyền đạt là nhiều, phong phú mà diện tích bảng lại có hạn, việc trình bày bảng mất nhiều thời gian. Với cách làm đó, học sinh có thể nắm bắt một cách logic, nhanh, không gây ra sự phân tán hoặc khó hiểu.
- + Mô hình hoá các kiến thức: Để biểu diễn được mối quan hệ giữa kiến thức này với kiến thức khác, cần sử dụng mô hình một cách hợp lí. Tuy nhiên, việc tạo ra một mô hình đơn giản, nhưng hàm ý lại lớn là một việc không phải dễ dàng. Giáo viên chuẩn bị kĩ các mô hình trước khi trình bày bài. Đồng thời, phải lưu ý vị trí của các mô hình trên bảng, tránh gây nhầm lẫn hoặc sự khó hiểu cho học sinh. Bên cạnh đó, việc sử dụng từ cũng là một thủ thuật quan trọng. Giáo viên cần lựa chọn từ ngữ ngắn gọn, vừa đủ nhìn; những từ vừa gọn, dắt và trọng tâm, sau đó, ghi lên bảng với kích thước vừa phải đủ nhìn, ở vị trí thích hợp. Xoá phần cũ, không liên quan trước khi giới thiệu những thông tin mới.

- + Thu nhận phản hồi của học sinh: Thu nhận phản hồi của học sinh là một việc làm quan trọng và cần thiết, giúp giáo viên có thể điều chỉnh hoạt động dạy phù hợp với trình độ của học sinh. Để có những thông tin phản hồi trung thực từ phía học sinh, cần theo chỉ dẫn: (1) Lắng nghe phản ứng của học sinh; (2) Tôn trọng ý kiến của học sinh; (3) Nếu câu trả lời của học sinh chưa được như mong muốn hãy đưa ra những câu hỏi nhỏ, gợi mở phù hợp để dẫn dắt học sinh; (4) Cung cấp những gợi ý hoặc trợ giúp khi cần thiết; (5) Đảm bảo mọi thành viên trong lớp phải có ý thức, trách nhiệm phản hồi.

Đặt câu hỏi để kiểm tra mức độ lĩnh hội, là một trong những lựa chọn của giáo viên khi muốn thu được phản hồi ngay sau khi giới thiệu tri thức mới. Để có được những thông tin chính xác từ phía học sinh, cần chú ý các vấn đề sau khi tiến hành đặt câu hỏi: (1) Câu hỏi phải ngắn gọn, rõ ràng; (2) Cho học sinh đủ thời gian để suy nghĩ; (3) Đưa ra câu hỏi cho cả lớp trước khi yêu cầu cá nhân trả lời. Việc làm này, nhằm khuyến khích mọi học sinh có trách nhiệm với câu hỏi chứ không riêng học sinh nào; (4) Quan sát các biểu hiện thông qua ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, để đoán biết suy nghĩ của học sinh; (5) Đưa ra những câu hỏi gợi mở tiếp khi cần.

- + Khuyến khích các hành vi có thể quan sát được của học sinh: (1) Đưa ra những câu hỏi để kiểm tra mức độ lĩnh hội kiến thức của học sinh (cho học sinh đủ thời gian để suy nghĩ trước khi trả lời); (2) Yêu cầu trẻ: trao đổi với bạn trong nhóm, lấy ví dụ minh họa, làm bài tập đọc lập; (3) Khuyến khích trẻ tạo ra những sản phẩm...
- + Giáo viên cần xem xét thông tin phản hồi: Mục tiêu đặt ra có thích hợp không? Học sinh có thấy hết được ý nghĩa của việc học kiến thức? Tình cảm có chi phối gì đến hoạt động lĩnh hội tri thức đó không? Những yếu tố cơ bản nào đã được nhấn mạnh? Dạy học có hướng vào mục tiêu không? Mục tiêu có rõ ràng không? Trẻ cần giúp đỡ gì? (chương trình, phương pháp, đánh giá...). Tài liệu cung cấp có thích hợp không?
- + Giáo viên ra quyết định điều chỉnh: (1) Thay đổi mức độ của mục tiêu: nâng lên hoặc hạ thấp; (2) Nâng cao hoặc hạ thấp mức độ tập trung của học sinh (đến gần, giao nhiệm vụ, chia nhóm, tạo không khí thoải mái trong lớp học...); (3) Thay đổi kì vọng tăng hoặc hạ thấp yêu cầu; (4) Dạy lại một phần nào đó của bài học: thêm ví dụ, mô hình hoá, dạy theo nhiều phương pháp khác nhau...; (5) Thay đổi cách hướng dẫn thực hành: từ đọc lập đến hợp tác nhóm; (6) Thay đổi trọng tâm; (7) Phát huy vai trò hướng dẫn của học sinh trong một số nội dung học tập; (8) Thêm

nhiều ví dụ đa dạng phong phú; (9) Điều chỉnh cho cả lớp hay chỉ với một số ít học sinh.

- + Giáo viên tạo động cơ học tập của học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật: (1) Dạy những kiến thức có liên quan ít nhiều tới vấn đề trẻ đã biết và thích thú; (2) Tạo cho học sinh có được những thành công trong học tập, điều này không có nghĩa là giao cho học sinh toàn bài tập dễ và cho điểm cao. Nếu tạo động cơ như vậy, học sinh nhạy cảm sẽ nhận ra ngay và tự cho rằng mình đang bị coi thường. Học sinh cần có những nhiệm vụ đòi hỏi sự thách thức. Học sinh phải biết rằng, có được thành công không phải là điều dễ dàng. Cần nhấn mạnh đến những cố gắng như thế nào, mới đạt được những thành công; (3) Giúp cho học sinh có trách nhiệm và mối quan tâm tới bài học; (4) Làm tăng, hoặc giảm mức độ tập trung tùy thuộc từng đối tượng. *Ví dụ:* đối với học sinh giỏi thì yêu cầu cao, học sinh kém hơn thì yêu cầu thấp hơn; (5) Tạo bầu không khí trong lớp học, trong đó các thành viên cảm thấy tin tưởng lẫn nhau, vui vẻ, hào hứng không thái quá; (6) Học sinh hiểu được rằng những kiến thức mình đang học là rất có ý nghĩa với cuộc sống; (7) Đánh giá rõ ràng về kết quả đạt được của học sinh: Hãy chỉ cho học sinh biết chúng sai, đúng ở điểm nào; (8) Khen ngợi, động viên kịp thời, đúng lúc. Tránh khen ngợi, động viên một vài em.
- + Để khuyến khích học sinh khuyết tật tham gia tích cực vào quá trình học, giáo viên có thể dùng những biện pháp: (1) Dựa vào điểm mạnh của trẻ, tôn trọng nhân phẩm học sinh; (2) Đứng gần trẻ; (3) Sử dụng tên của trẻ; (4) Sử dụng quy ước, kí hiệu riêng khi cần thiết. *Ví dụ,* khi một học sinh nhạy cảm, nhưng đang nói chuyện riêng, giáo viên không nên nêu tên em đó ra trước lớp, mà có thể giữ bộ mặt nghiêm túc hướng về em; (5) Nhắc nhở riêng; (6) Ghi chép đầy đủ về hoạt động của từng học sinh; (7) Đưa vào đặc điểm riêng của từng học sinh như: sự thay đổi của học sinh, mối quan hệ của em đó, sự thay đổi hành vi...

Giáo viên có thể làm tăng mức độ ghi nhớ của học sinh khuyết tật bằng các thủ thuật: (1) Liên hệ với những kiến thức đã được học; (2) Lấy thông tin này so sánh với thông tin khác; (3) Liên hệ kiến thức đang học với cuộc sống và sự quan tâm của trẻ và minh họa bằng chính trải nghiệm của giáo viên; (4) Sử dụng sơ đồ một cách có ý nghĩa; (5) Sử dụng các móc để ghi nhớ. *Ví dụ:* vẽ tranh, trong đó có thể hiện tri thức vừa học; (6) Dạy kĩ ngay từ khi giới thiệu thông tin đó với học sinh; (7) Tạo ra bầu không khí hợp lí trong lớp học; (8) Khi giới thiệu thông tin, giáo viên chú

ý trình bày sao cho logic, cung cấp liều lượng thông tin hợp lí, không vượt quá 7 thông tin trong một đơn vị nội dung; (9) Đảm bảo cho học sinh được thực hành ngay khi nắm bắt được tri thức mới bằng cách chia nhỏ từng phần thông tin hoặc kết hợp cùng với những kiến thức khác...

– **Kết bài:**

Kết thúc một giờ học có ý nghĩa rất quan trọng. Một giờ học tốt, có tiến trình mở bài và giải quyết bài tốt, nhưng kết thúc dở có thể sẽ làm mờ đi trọng tâm dẫn đến làm giảm chất lượng dạy học. Một giờ học hay phải có kết luận hấp dẫn. Kết luận đó không phải chỉ đơn thuần cho học sinh biết bài học đã kết thúc mà một lần nữa nhấn mạnh mục tiêu, củng cố kiến thức và làm nổi bật trọng tâm.

Kết thúc bài dạy cần được tiến hành theo cách: để học sinh có nhiều cơ hội tham gia. Trẻ phải cần có cơ hội biểu đạt những gì trẻ đã học được. Đặc biệt, trẻ khuyết tật cần được tham gia vào quá trình này. Trên cơ sở đó, giáo viên kiểm tra được những kiến thức, kĩ năng học sinh đã chiếm lĩnh qua bài học. Kết thúc bài học cần đạt 3 yêu cầu sau đây:

- + Học sinh tự biểu đạt, tóm tắt những phát hiện chính qua bài học.
- + Nhiều học sinh và học sinh khuyết tật được tham gia.
- + Trẻ biết/định hướng việc vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn.

3. ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Mô tả một trẻ khiếm thính và nêu phương tiện giao tiếp nào trẻ sử dụng nhiều trong quá trình học tập và giao tiếp, giải thích vì sao.

Câu 2: Nêu cách thức phát triển khả năng giao tiếp của trẻ khiếm thính trên.

Hoạt động 2: Vận dụng kĩ năng đặc thù trong dạy học và giáo dục học sinh khiếm thính

1. NHIỆM VỤ

Bạn hãy đọc những tài liệu về dạy học và giáo dục hoà nhập trẻ khiếm thính và bằng kinh nghiệm của mình, hãy làm rõ một số vấn đề sau:

- Ngôn ngữ nói của trẻ khiếm thính:

– Cách dạy nói cho trẻ khiếm thính:

– Đọc hình miệng và cách dạy đọc hình miệng:

– **Chữ cái ngón tay và cách dạy chữ cái ngón tay:**

– **Ngôn ngữ kí hiệu và cách dạy ngôn ngữ kí hiệu:**

– **Giao tiếp tổng hợp:**

- Phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ khiếm thính:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

* *Ngôn ngữ nói:*

- Những đặc điểm phát triển ngôn ngữ nói của trẻ khiếm thính:

Sự phát triển thính giác có liên quan mật thiết đến quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ nói ở trẻ em. Chúng ta nói được là do chúng ta nghe được. Do hậu quả của không nghe được hoặc nghe không rõ, không hết âm thanh tiếng nói mà trẻ không có hoặc phát triển lệch lạc trong ngôn ngữ nói.

- Sự phát triển ngôn ngữ nói ở trẻ khiếm thính tốt hay xấu phụ thuộc vào những yếu tố sau:
 - + Mức độ mất thính lực: Trẻ bị điếc nhẹ và điếc vừa ngôn ngữ nói chậm hoặc phát triển lệch lạc; trẻ bị điếc nặng, điếc sâu có thể bị mất ngôn ngữ nói.
 - + Thời gian bị điếc có ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển ngôn ngữ: Trẻ bị điếc sớm sự phát triển ngôn ngữ của sẽ chậm và khiếm khuyết nhiều hơn so với trẻ bị điếc muộn (sau giai đoạn hình thành ngôn ngữ nói cơ bản – sau 3 tuổi).

+ Môi trường có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Nếu trẻ được can thiệp sớm ở tuổi mầm non sẽ có ngôn ngữ phát triển hơn so với những trẻ không được can thiệp.

– Những khó khăn trẻ khiếm thính gặp phải khi học nói:

Học nói là một việc rất khó khăn đối với trẻ khiếm thính (bao gồm tất cả các loại). Tuy nhiên tiếng nói là một dạng ngôn ngữ phổ thông dùng trong giao tiếp hằng ngày của mọi người cho nên trẻ khiếm thính không thể không học cách sử dụng phương tiện này.

Nghe và nói có liên quan mật thiết đến nhau. Do nghe không rõ trẻ thường phải học nói qua đọc hình miệng. Để học nói được trẻ cần kết hợp cả nghe và đọc hình miệng. Trong ngôn ngữ tiếng Việt có nhiều nguyên âm và phụ âm khó phân biệt về âm thanh và đọc hình miệng như:

+ Về âm thanh:

Tiếng có phụ âm đầu là: t – đ – m (tú – đủ, tốt – một, tôi – môi); x – d (xe – dê, xa – da, xem – đem); v – ph (phở – vờ, vé – phê...).

Vần: Nhiều âm tiết (uông, oang, oăng...).

+ Về hình miệng: Các phụ âm đầu: t – đ – th; b – m; d – x; ph – v...

Các thanh điệu: Ba, bà, bá, bạ, bả...

Môi trường ngôn ngữ của trẻ khiếm thính thường rất hẹp, trẻ không có cơ hội nhiều như trẻ nghe rõ trong việc học nói. Người lớn thường không hay nói chuyện với trẻ, bạn bè của trẻ cũng ít. Điều này gây ra bởi giữa người nghe và trẻ khiếm thính khó giao tiếp với nhau: người nghe không hiểu được trẻ và ngược lại trẻ không thể hiểu khi người chỉ dùng tiếng nói để giao tiếp.

Từ những khó khăn trên dẫn đến vốn từ ngữ của trẻ khiếm thính rất ít. Trẻ hiểu thế giới xung quanh, hiểu mọi người theo ý riêng của bản thân nên có thể sai, không đầy đủ. Điều này gây cho trẻ những khó khăn trong việc học nói.

– Những đặc điểm tiếng nói của trẻ khiếm thính:

Nhìn chung tiếng nói của trẻ khiếm thính khi phát ra rất khó nghe, sai nhiều. Nhưng chất lượng tiếng nói của trẻ khiếm thính tốt hơn rất nhiều nếu trẻ được học nói từ tuổi mầm non. Những đặc điểm cơ bản của tiếng nói khi trẻ khiếm thính phát ra như sau:

+ Giọng: Thường trẻ khiếm thính phát ra với giọng không bình thường, khó nghe. Trẻ hay nói giọng mũi, giọng cao, giọng ồm, hạ giọng (lúc cao lúc thấp). Trẻ càng bị điếc nặng, giọng càng sai nhiều.

+ Ngữ điệu: Trẻ thường nói rời rạc, ngắt từng tiếng, lên xuống tùy hứng.

+ Ngữ âm: Lỗi về âm của trẻ khiếm thính cũng như trẻ nghe rõ mắc phải trong giai đoạn hình thành ngôn ngữ (2 – 3 tuổi). Ngoài ra trẻ còn phát âm không đúng những tiếng có vị trí và cách phát âm sau:

Tiếng gần nhau về nghe và hình miệng như: T – Đ (tú ↔ đủ); B – M (bé ↔ mẹ); PH – V (vờ ↔ phờ; D – X (xe ↔ de, ðe)...

Tiếng có phụ âm đầu không nhìn hoặc khó nhận biết như: C (cá → há, ấ); KH (khó → ó, hó).

Tiếng khó phát âm: C (cá, co); G (gấu, gà).

Hầu hết trẻ khiếm thính không nói được đầy đủ các thanh điệu của tiếng Việt, thường trẻ chỉ sử dụng được 2 – 3 thanh cơ bản, để (thanh không, sắc, huyền).

+ Từ vựng: Vốn từ ngữ ở trẻ khiếm thính rất nghèo nàn, ít hơn nhiều so với trẻ nghe rõ cùng lứa tuổi. Nếu trẻ khiếm thính được can thiệp sớm thì đến 5 tuổi số vốn từ chỉ gần bằng số vốn từ trẻ nghe rõ 2 tuổi (200 từ). Tuy nhiên, số vốn từ bằng ngôn ngữ kí hiệu ở trẻ khiếm thính thì lại khác. Những trẻ khiếm thính có cha mẹ khiếm thính, những người luôn giao tiếp với nhau bằng ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ, số vốn từ bằng kí hiệu ở trẻ khiếm thính phát triển rất nhanh, không thua kém trẻ nghe rõ. Một trẻ khiếm thính 3 tuổi đã có số vốn từ khoảng 300 kí hiệu (tương đương số vốn từ trẻ nghe rõ 3 tuổi có được).

+ Ngữ pháp: Khi ngôn ngữ ở trẻ phát triển ở giai đoạn đầu (năm đầu tiểu học) trẻ khiếm thính thường không nói theo ngữ pháp tiếng Việt mà nói theo tư duy của mình, theo ý hiểu của mình. Điều này tạo cho người nghe khó đoán được nội dung của câu nói. Trẻ hay nói ngược như trẻ nói "ăn cơm – tôi" (tôi ăn cơm), "học em/em trường" (em đi học); "đọc em" (em học bài); "gà con/gà" (con gà).

* *Cách dạy nói cho trẻ khiếm thính:*

Dạy nói cho trẻ khiếm thính là một việc lâu dài, khó khăn cần phải được bắt đầu sớm ngay từ tuổi mầm non, đồng thời giáo viên phải biết lựa chọn sách dạy phù hợp nhất, khoa học nhất. Có hai phương pháp chủ yếu để dạy nói cho trẻ khiếm thính:

- Cách 1: Cách nói chuyện với trẻ khiếm thính:
 - + Nhu cầu giao tiếp ở trẻ khiếm thính xuất hiện trước khả năng giao tiếp:

Trẻ khiếm thính giống như trẻ nghe bình thường đều có những biểu hiện sử dụng ngôn ngữ ngay từ khi còn bé, trẻ thích trò chuyện một cách có chú ý.

Khi còn nhỏ tuổi, trẻ khiếm thính không hề bị mặc cảm bị thua kém hơn bạn bè là không biết nói. Vì vậy trẻ rất thích và rất hay “nói chuyện” với mọi người.

Nhu cầu muốn tìm hiểu thế giới xung quanh ở trẻ khiếm thính cũng như trẻ nghe rõ nên nhu cầu "hỏi" của trẻ phát triển.
 - + Chúng ta có thể nói chuyện với trẻ ở mọi lúc, mọi nơi. Chúng ta hãy lợi dụng mọi tình huống, mọi cơ hội để nói chuyện với trẻ. Tốt nhất chúng ta hãy là "trẻ con" và cùng chơi, cùng sinh hoạt, cùng làm việc với trẻ. Đó là cơ hội tốt nhất để có thể nói chuyện với trẻ, tạo cơ hội để trẻ giao tiếp với mình.
 - + Nói với trẻ ở khoảng cách gần, không khi nào nói ở khoảng cách làm trẻ không nghe rõ lời nói. Trẻ cần đeo máy trợ thính (máy hoạt động tốt, trẻ có thể nghe qua máy). Tốt nhất, ta nên nói chuyện trong môi trường yên tĩnh. Nên tránh xa những nơi ồn ào: tiếng xe cộ, chỗ đông người, tiếng nhạc ầm ĩ... Ta cần nói trước mặt trẻ, không bao giờ nói đằng sau trẻ để trẻ không nhìn thấy miệng và thái độ của mình; cần nói chuyện với trẻ một cách bình thường như nói với những trẻ khác; cần tận dụng những tình huống cụ thể đang xảy ra để nói chuyện với trẻ; nên kết hợp tiếng nói, cử chỉ điệu bộ để làm cho trẻ hiểu mình và ngược lại chúng ta cần hiểu trẻ qua cách diễn đạt của trẻ; khuyến khích, động viên trẻ kịp thời.
- Cách 2: Dạy trẻ khiếm thính nói tiếng Việt:
 - + Trẻ khiếm thính, đặc biệt là những trẻ khiếm thính nặng rất khó khăn khi phát âm, do đó cần phải dạy trẻ những gì và dạy như thế nào là điều rất quan trọng giáo viên cần biết.
 - + Những điều cần lưu ý khi dạy trẻ phát âm:
 - Dạy trẻ phát âm qua học vần, tiếng Việt và các môn khác.
 - Dạy cá nhân ở lớp và ở nhà.
 - Cần đeo máy khi học phát âm.
 - Trẻ cần được học hằng ngày. Mỗi ngày khoảng 30 phút.

- Dạy trẻ luyện thở, luyện giọng, luyện âm và vần:

- ✓ **Luyện thở:**

Yêu cầu: Hơi thở đều khi nói, vừa thở vừa nói, hít vào nhanh, sâu thở ra từ từ có điều khiển, hoạt động nhằm luyện thở và điều khiển.

Mục tiêu: Thở ra có giọng (< 20 giây).

Thở ra có giọng và ngắt đoạn: Âm tiết/ âm tiết pa/pa/pa (1 hơi), cụm âm tiết /pa/pa/pa/pa (1 hơi).

Thở có giọng theo từ (liền hơi).

Một số trò chơi luyện thở (thổi bóng, thổi giấy...).

- ✓ **Luyện giọng:**

Cường độ: Phát âm to nhỏ A (to), a (nhỏ);

Trường độ: Phát âm ngắn a.a.a.;

Phát âm kéo dài a

Cao độ: Dùng những âm, tiếng trầm để hạ bớt giọng như: B, M, bà, móm...

- ✓ **Luyện âm và vần:**

Đây là nội dung khó đối với trẻ khiếm thính. Để giảm bớt khó khăn cho trẻ trong khi học, cần có sự chăm chú nhất định theo quy luật.

Qua thực tế cho thấy, dạy trẻ khiếm thính nói không phải theo kiểu dạy từng từ, từng câu cho đến khi trẻ nói được từ đó hay câu đó. Nên dạy trẻ khiếm thính học nói theo cách trò chuyện tự nhiên: Coi trẻ như những trẻ nghe bình thường khác; nói với trẻ một cách tự nhiên, ngữ điệu bình thường, giọng nói bình thường; nói với trẻ mọi lúc, mọi nơi như: khi trẻ ăn, trẻ chơi, trẻ tắm, trẻ làm một việc gì đó...; tạo cơ hội cho trẻ được giao tiếp bằng cách: tổ chức các hoạt động, các trò chơi, tham gia chơi cùng với trẻ.

- + **Cách trò chuyện với trẻ:** Đóng hai vai trong quá trình giao tiếp với trẻ.

Ví dụ: Trẻ có biểu hiện muốn uống nước (khóc, tay chỉ vào cái cốc hay đưa ra kí hiệu cái cốc và làm động tác uống).

Mẹ thay lời con: Con khát nước rồi.

Mẹ: Con muốn uống nước phải không? Đây nước của con đây.

Mẹ thay lời con: Con xin mẹ ạ.

Với cách này được lặp đi lặp lại nhiều lần, dần dần sẽ hình thành cho trẻ một số khái niệm: nước, khát, uống, xin...; giúp cho trẻ bắt chước hình

miệng, nghe được những âm thanh đó (đối với trẻ còn có thể nghe được), bắt chước và phát âm những từ đó. Ngoài ra, cách nói chuyện trên còn giúp cho vốn từ của trẻ ngày một nhiều hơn.

Khi trẻ đã một vốn từ nhất định thì phải tạo cho trẻ có khả năng nói luân phiên.

Giáo viên, phụ huynh khi giao tiếp cần để lại một khoảng thời gian trống đủ để trẻ suy nghĩ và đưa ra ý kiến của mình.

Giáo viên, phụ huynh có thể đặt các câu hỏi gợi mở trong khi giao tiếp để kích thích trẻ giao tiếp.

Động viên khích lệ khi trẻ nói được một câu nào đó hoặc trả lời các câu hỏi.

Cần biết cách duy trì cuộc hội thoại: giữa người giao tiếp với trẻ.

* *Đọc hình miệng và dạy đọc hình miệng:*

– **Đọc hình miệng:**

Đọc hình miệng là cách tiếp thu (hiểu) tiếng nói thông qua những chuyển động của cơ quan phát âm (chủ yếu là môi và miệng).

Đọc hình miệng là cách hỗ trợ để người nghe tiếp thu hết thông tin từ người đối thoại được mọi người dùng thường xuyên, đặc biệt đối với người có khó khăn về nghe. Đối với trẻ khiếm thính, đọc hình miệng là một trong cách tiếp thu tiếng nói quan trọng nhất. Trẻ khiếm thính không chỉ nghe tiếng nói mà chủ yếu còn "nhìn" tiếng nói. Ở nhiều trẻ, "nhìn" tiếng nói là cách tiếp thu quan trọng hơn nghe. Nếu không nhìn miệng người nói, thì trẻ không thể hiểu được người đối thoại nói gì.

Ở trẻ khiếm thính, nếu được rèn kỹ năng đọc hình miệng thì khả năng tiếp thu thông tin sẽ tốt hơn. Nhiều trẻ sau 4, 5 năm học tập có thể tiếp thu tiếng nói bằng đọc hình miệng đạt 60 – 70% lượng thông tin.

Đọc hình miệng không phải là đọc hình môi của từng âm một, mà là đọc hình miệng của một cụm từ, một câu nói. Khi nói một câu, hình môi sẽ chuyển động theo một mẫu nhất định – những hình ảnh âm thanh (của câu) sẽ được người tiếp thu ghi nhớ và sẽ được tái hiện khi lặp lại ở lần sau. Sự ghi nhớ này rất tốt ở trẻ khiếm thính. Trong khi nghe nói, trẻ tập trung hết sức chú ý vào hình miệng và ghi nhớ chúng.

Khả năng đọc hình miệng ở trẻ khiếm thính phụ thuộc rất nhiều vào năng lực suy đoán. Trong một câu nói có thể trẻ chỉ "đọc" được một nửa còn nửa kia trẻ đoán ý dựa vào kinh nghiệm của bản thân, dựa vào ngữ

cánh, dựa vào tình huống lúc đối thoại và những yếu tố khác nữa. Kinh nghiệm cho thấy, càng học lên những lớp trên, trẻ càng lớn thì kĩ năng đọc hình miệng nói chung, kĩ năng suy đoán nói riêng càng phát triển.

Ngoài ra kĩ năng đọc hình miệng của trẻ khiếm thính còn phụ thuộc rất nhiều vào mức độ phát triển ngôn ngữ. Trẻ không thể đọc được những từ mới, những từ trẻ không hiểu, những từ trẻ không biết phát âm. Cho nên, dạy trẻ đọc hình miệng cần được tiến hành song song với việc dạy nói.

Trong tiếng Việt có một số yếu tố ngôn ngữ gây nên những khó khăn nhất định cho việc đọc hình miệng.

Tiếng Việt là ngôn ngữ không có nhiều nguyên âm, mà nguyên âm là đơn vị đọc hình miệng dễ thấy vì nó có thể kéo dài khi phát âm cũng như khi nói. Hơn nữa trong tiếng Việt, nguyên âm bao giờ cũng đóng vai trò âm chính trong âm tiết.

Đặc điểm đơn âm tiết của tiếng Việt cũng gây không ít khó khăn khi đọc hình miệng, vì sẽ có nhiều trường hợp trùng lặp hình miệng, nên khó đoán. Ví dụ: “bàn” và “bát”.

Đặc biệt, tiếng Việt có sáu thanh điệu đóng vai trò quan trọng trong việc biểu thị ngữ nghĩa của âm tiết nhưng hoàn toàn không thể đọc qua hình miệng được. Ví dụ: trong những từ sau đây, hình miệng hoàn toàn giống nhau và nghĩa hoàn toàn khác nhau. Ví dụ:

BA BÂ BẮ BẰ BẠ BÃ

Ta có thể chia các âm trong tiếng Việt theo mức độ dễ nhìn thấy qua hình miệng như sau:

Dễ nhìn thấy					Khó nhìn thấy			Không nhìn thấy
1	2	3	4	5	6	7	8	9
a, i, e	ơ, â, ă,	u, u, o, ô	p, b, m	ph, v	t, ch, r	s, x	n, nh, l	h, k, kh, g, ng

Tóm lại, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập: khi nói, lời nói được tách ra từng tiếng một, đồng thời cũng là những âm tiết. Như vậy khả năng đọc hình miệng đối với tiếng Việt bị giới hạn, vì mỗi âm tiết không phải chỉ có một hình miệng riêng, mà nó có thể là của nhiều âm tiết khác nhau. Đặc biệt, thanh điệu là một đặc trưng quan trọng của tiếng Việt lại không thể phân biệt được bằng hình miệng, rất dễ gây nhầm lẫn.

– Dạy đọc hình miệng:

Dạy trẻ khiếm thính đọc hình miệng là một công việc làm thường xuyên của giáo viên, được thực hiện trong tất cả các tiết học, trong sinh hoạt hằng ngày, đặc biệt trong khi giao tiếp với trẻ.

Giáo viên nên lưu ý những vấn đề sau đây:

- + Luôn luôn nói trước mặt trẻ. Không bao giờ nói, gọi trẻ từ phía sau, cho dù nói to hơn bình thường.
- + Lời nói, lời giảng của giáo viên cần rõ ràng rành mạch. Tuy nhiên không nên nói quá chậm, nói nhát gừng mà nên nói với trẻ bằng giọng bình thường, tốc độ vừa phải.
- + Luyện đọc hình miệng cho trẻ cả câu hay một cụm từ đủ nghĩa, tránh luyện đọc từng âm, từng từ (trừ luyện tập trong tiết từ ngữ).
- + Phương pháp nhận biết qua hình miệng chủ yếu là biết cách xác định điểm mấu chốt và nhận biết điểm mấu chốt của từng cụm từ, từng câu. Điểm mấu chốt của câu là những chữ hình miệng rõ ràng và được nhấn mạnh nhất trong câu.
- + Việc dùng từ ngữ cũng là một yếu tố giúp trẻ hiểu được nội dung của câu nói. Giáo viên nên chú ý dùng những từ ngữ dễ đọc hình miệng. Ví dụ: Thay vì dùng cặp từ to/nhỏ (khó phân biệt) ta dùng cặp từ to/bé (dễ phân biệt).

* *Chữ cái ngón tay và phương pháp dạy chữ cái ngón tay*

– Chữ cái ngón tay:

- + Chữ cái ngón tay là hệ thống chữ cái được biểu thị bằng ngón tay. Mỗi chữ cái được biểu thị bằng một động tác nhất định của các ngón tay (hình dạng khi đọc gần giống như chữ viết).

Chữ cái ngón tay là một trong những dạng ngôn ngữ không lời, giúp cho trẻ khiếm thính học ngôn ngữ, đặc biệt hỗ trợ trẻ trong giai đoạn đầu trẻ học nói, giúp trẻ đọc và viết chính xác tiếng Việt.

+ Quy tắc đánh chữ cái ngón tay:

- Chỉ dùng một tay (trái hoặc phải).
- Tay để ngang miệng, lòng bàn tay hướng về phía trước.
- Chỉ chuyển động các ngón tay và cổ tay, không chuyển động cả cánh tay.
- Vị trí của các ngón tay phải đúng và chính xác (xem bảng chữ cái ngón tay).

- Cách đánh: Trình tự đánh tương tự như viết. Ví dụ: Hồng: H – O – N – G – dấu mũ – dấu huyền; hết một tiếng – nghỉ ngắn; hết một câu – nghỉ dài.
- Phương pháp dạy trẻ khiếm thính chữ cái ngón tay:
 - + Chữ cái ngón tay là dạng ngôn ngữ trẻ khiếm thính dễ tiếp thu, dễ thuộc và trẻ có thể sử dụng thành thạo trong một thời gian ngắn. Muốn vậy đòi hỏi giáo viên cần có ý thức dạy trẻ và có phương pháp dạy. Chữ cái ngón tay có thể dạy thành bài riêng (đối với trẻ đi học muộn) hoặc dạy kết hợp với các giờ học, trong mọi lúc, mọi hoạt động, đặc biệt trong giao tiếp.
 - + Cách dạy theo tiết học riêng: Dạy trẻ các bước sau:
 - Khởi động, nhằm làm cho các chữ cái ngón tay vận động linh hoạt, đúng vị trí theo ý muốn.
 - Đánh từng chữ cái để thuộc hết bảng chữ cái ngón tay.
 - Phân biệt những kí hiệu gần giống nhau, như: c/o/ô/ơ/, n/u/ư/, l/q, k/g/h.
 - Ghép thành tiếng (từ tiếng có 2, 3 âm đến tiếng có nhiều âm, có dấu, có thanh điệu).
 - Ghép thành câu.
 - Đánh chữ cái ngón tay rồi đọc chữ cái ngón tay.
 - + Dạy kết hợp trong các bài học khác, trong sinh hoạt hằng ngày:

Trong các tiết học “Làm quen với chữ cái” ở mầm non, các tiết “học vần” ở tiểu học, giáo viên nên chú ý dạy thêm cho trẻ chữ cái ngón tay. Đây coi một trong những yêu cầu riêng đối với trẻ trong học tiếng Việt.

Ngoài ra những chữ cái ngón tay có thể được dạy kết hợp với các môn học khác, trong những hoạt động ngoài giờ học.

Một trong những điều quan trọng đối với giáo viên là cần kết hợp dạy chữ cái ngón tay với việc dạy nói, dạy viết và dạy đọc trong quá trình dạy trẻ khiếm thính.
- * *Ngôn ngữ kí hiệu và phương pháp dạy ngôn ngữ kí hiệu:*
 - Ngôn ngữ kí hiệu:
 - + Ngoài giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, còn có cách giao tiếp bằng ngôn ngữ không lời trong xã hội loài người. Riêng thứ ngôn ngữ kí hiệu dùng cho người khiếm thính là đã được đề xướng, nghiên cứu một cách hệ thống qua một quá trình lịch sử hàng trăm năm (từ tu sĩ De L' Epée, Viện trưởng Viện Điếc – Câm Paris – Thành lập năm 1771 – Khởi

xuống với cái tên gọi là “Ngôn ngữ bằng điệu bộ quy ước” đến trường phái Ganlôđơ (Gallaudet) ở Hoa Kỳ ngày nay), đạt tới trình độ hoàn hảo để có thể diễn đạt không mấy khó khăn mọi chi tiết tinh tế nhất của ngôn ngữ nói.

Cộng đồng người khiếm thính trên toàn thế giới ngày nay, cũng như cộng đồng người khiếm thính ở Việt Nam càng có ý thức hơn về quyền lợi của họ: muốn có được một nền văn hoá riêng (theo nghĩa hẹp) với một thứ ngôn ngữ riêng (tiếp nhận chủ yếu bằng thị giác chứ không phải bằng thính giác). Quan điểm này ngày càng được mọi người ủng hộ vì nó mang tính nhân văn sâu sắc.

Ở nước ta, trong những năm qua, một số chuyên gia cùng với cộng đồng người điếc bước đầu đã tập hợp thống nhất được trên 500 kí hiệu thường dùng nhất làm cơ sở cho việc hình thành hệ thống ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính Việt Nam.

+ Đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu: Ngôn ngữ kí hiệu bao gồm:

- Các kí hiệu: cử chỉ, điệu bộ; nét mặt; kí hiệu quy ước.
- Cú pháp: Đặc điểm của các kí hiệu: Sử dụng cả hai tay và ngón tay, hướng của bàn tay về phía trước, chuyển động của tay phía trước ngực, trong khoảng không gian không vượt quá bề ngang của cơ thể.

Tay, ngón tay chuyển động theo các hướng: lên, xuống, trong, ngoài, tròn theo chiều kim đồng hồ hay ngược, hai tay chuyển động cùng chiều hay ngược chiều nhau...

– Phương pháp dạy ngôn ngữ kí hiệu:

Giáo viên muốn dạy trẻ có hiệu quả thì trước hết phải hiểu trẻ thông qua kí hiệu của bản thân đứa trẻ. Mỗi trẻ đều có cách ra hiệu không giống nhau, giáo viên phải tìm hiểu và sử dụng những kí hiệu riêng của trẻ trước khi dạy trẻ những kí hiệu quy ước.

Dạy trẻ kí hiệu thông qua giao tiếp với trẻ hàng ngày. Tận dụng những tình huống cụ thể đang xảy ra để dạy trẻ sử dụng kí hiệu kết hợp với chữ viết và tiếng nói. Ví dụ dạy trẻ “quả cam”, cần dạy trẻ biểu thị bằng kí hiệu, bằng nói và bằng chữ viết.

Trong giảng dạy, nhiều từ ngữ, nhiều biểu tượng trẻ không hiểu, giáo viên có thể giải thích cho trẻ bằng ngôn ngữ kí hiệu. Bằng cách này trẻ sẽ lĩnh hội kiến thức dễ hơn so với khi ta sử dụng hoàn toàn bằng ngôn ngữ nói, trẻ sẽ học được cách dùng những kí hiệu mới.

Dạy trẻ sử dụng kí hiệu cần được tiến hành song song với việc dạy trẻ học kiến thức mới bằng ngôn ngữ nói. Do đó, giáo viên có thể dạy trẻ vào những lúc cần thiết trong suốt quá trình học tập.

* *Giao tiếp tổng hợp:*

– Các hình thức giao tiếp của trẻ khiếm thính:

Trẻ khiếm thính nhận thức thế giới xung quanh, cũng như giao tiếp với mọi người chủ yếu bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. Trẻ càng lớn lên thì những kĩ năng này càng phát triển.

+ Bằng thị giác, trẻ có thể tìm hiểu môi trường, những sự vật, hiện tượng xung quanh. Đây là cách giao tiếp chủ yếu, quan trọng nhất và rất phát triển ở trẻ khiếm thính.

+ Giao tiếp bằng lời nói, nghe – là cách giao tiếp phổ thông nhất mà mọi người sử dụng trong lao động, học tập và sinh hoạt hằng ngày. Trẻ khiếm thính khi đến trường được nói, học viết, đồng thời với những kiến thức khoa học khác như trẻ bình thường. Tiếng nói của trẻ khi phát ra có thể chưa rõ ràng, nhưng trẻ cũng có thể diễn đạt được những suy nghĩ ý kiến của mình cho người khác hiểu bằng lời (tiếng nói và chữ viết).

+ Trong giao tiếp với mọi người, trẻ cần tiếp thu đầy đủ thông tin khi nghe người khác nói. Trẻ khiếm thính sẽ dùng phần thính lực còn lại của mình với sự trợ giúp của máy trợ thính để nghe. Đặc biệt ở trẻ khiếm thính khả năng đọc hình miệng của trẻ rất phát triển. Trẻ có thể nhận biết lời nói của mình qua hình miệng của người đối thoại. Trẻ được huấn luyện, tiếp xúc nhiều sẽ đọc hình miệng nhanh và tiếp thu được phần lớn thông tin.

Như vậy: Giao tiếp tổng hợp là sự kết hợp tất cả các cách tiếp nhận thông tin (nhìn, đọc hình miệng, nghe...), truyền đạt thông tin (kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt, nói, chữ cái ngón tay, viết...) trong giao tiếp của trẻ khiếm thính – gọi là giao tiếp tổng hợp. Giao tiếp tổng hợp giúp trẻ khiếm thính mở rộng giao lưu với mọi người và ngược lại, mọi người có thể giao lưu và hiểu nhau hơn – quá trình giảng dạy sẽ mang lại những hiệu quả tốt hơn.

– Điều kiện thực hiện giao tiếp tổng hợp trong lớp hoà nhập:

+ Đối với giáo viên:

• Nắm vững đặc điểm giao tiếp của học sinh lớp mình: khả năng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ... trong giao tiếp, nắm vững tần suất các cách giao tiếp được sử dụng ở trẻ.

- Giáo viên cần biết sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, chữ cái ngón tay phối hợp với ngôn ngữ nói một cách thành thạo. Biết lúc nào sử dụng cách nào, lúc nào cần phối hợp nhiều cách để trẻ có thể tiếp thu được tốt nhất.
- Không bao giờ chỉ dùng tiếng nói để giao tiếp với trẻ khiếm thính.
- Biết cách tổ chức động viên học sinh trong lớp giao tiếp với trẻ bằng mọi cách.
- + Đối với trẻ khiếm thính:
 - Luôn luôn học nói và tự rèn luyện nói trong giao tiếp với bạn trong lớp.
 - Sử dụng máy nghe thường xuyên.
 - Thuộc chữ cái ngón tay và kí hiệu.
- + Đối với học sinh trong lớp:
 - Thường xuyên giao tiếp với bạn khiếm thính và có ý thức học hỏi, giúp đỡ bạn.
 - Thuộc và sử dụng cách kí hiệu, chữ cái ngón tay.
- Thực hiện giao tiếp tổng hợp trong giáo dục hoà nhập:
 - + Luôn luôn có ý thức làm thế nào để trẻ tiếp thu được tối đa lượng thông tin cần truyền đạt.
 - + Kết hợp nói – viết – chữ cái ngón tay – kí hiệu trong giảng dạy.
 - + Trực quan là một trong những điều kiện quan trọng nhất để học sinh tiếp thu kiến thức trên lớp.
 - + Tạo nhiều cơ hội để trẻ khiếm thính thể hiện suy nghĩ, ý kiến của mình trước lớp. Động viên, khen thưởng trẻ kịp thời.
- * *Phát triển kĩ năng giao tiếp của trẻ khiếm thính:*
 - Trẻ khiếm thính không có nghĩa là trẻ câm, không thể giao tiếp với mọi người bằng lời nói. Có điều trẻ khiếm thính giao tiếp với nhau và giao tiếp với mọi người không giống như những người nghe bình thường nói chuyện với nhau. Trẻ có cách giao tiếp riêng. Vì vậy chúng ta cần giúp đỡ trẻ phát triển các kĩ năng giao tiếp đó.
 - Kĩ năng giao tiếp nói chung bao gồm:
 - + Kĩ năng tiếp nhận thông tin (hiểu).
 - + Kĩ năng truyền đạt thông tin (diễn đạt).
 - Phát triển kĩ năng giao tiếp ở trẻ khiếm thính tức là phát triển khả năng hiểu được thông tin do người khác truyền đạt, đồng thời diễn đạt sao cho mọi người hiểu được mình.

Để phát triển kĩ năng này ở trẻ, giáo viên, đặc biệt là cha mẹ trẻ cần lưu ý những vấn đề sau:

- + Luôn luôn nói chuyện vui vẻ với trẻ. Hãy coi trẻ khiếm thính như những trẻ nghe khác để nói chuyện với trẻ, đọc cho trẻ nghe, hát cho trẻ nghe và cùng chơi với trẻ.
- + Tạo cho trẻ nhiều cơ hội để giao tiếp với mọi người. Tạo cho trẻ những tình huống giao tiếp khác nhau trong học tập, trong sinh hoạt, vui chơi hàng ngày. Trẻ cần được rèn luyện để phát triển những kĩ năng trong những tình huống với những mục đích khác nhau. Ví dụ: trẻ cần được đáp ứng nhu cầu nào đó, hay đòi hỏi trẻ cần làm một việc nào đó... Nghĩa là chúng ta gợi mở cho trẻ những cơ hội giao tiếp.
- + Thông thường, trẻ khiếm thính không thích dùng ngôn ngữ nói để giao tiếp với mọi người (mặc dù trẻ có thể dùng) mà thường hay dùng hành động, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để biểu hiện những suy nghĩ, những ý kiến của mình với người khác. Chúng ta tuyệt đối không nên cấm đoán trẻ giao tiếp bằng những cách đó, mà ngược lại cần khuyến khích và dạy trẻ sử dụng.
- + Một trong những vấn đề quan trọng giúp trẻ phát triển kĩ năng giao tiếp là chúng ta cần phải hiểu trẻ thông qua những cách giao tiếp của trẻ.

3. ĐÁNH GIÁ

Cho biết ý kiến của bạn bằng cách đánh dấu x vào một ô tương ứng dưới đây:

STT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Trẻ khiếm thính không thích học nói.		
2	Trẻ khiếm thính không thể nói.		
3	Trẻ khiếm thính có khả năng học hình miệng.		
4	Trẻ khiếm thính không thích giao tiếp với bạn.		
5	Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ độc nhất của người khiếm thính.		

STT	Nội dung	Đúng	Sai
6	Không nghe được thì không nói được.		
7	Trẻ khiếm thính học tốt nhất bằng nhìn và nghe.		
8	Khiếm thính là hoàn toàn không nghe được.		
9	Trẻ khiếm thính học chậm hơn trẻ nghe rõ 3 – 5 năm.		
10	Ngôn ngữ của trẻ khiếm thính chậm phát triển một cách nghiêm trọng.		
11	Quy luật hình thành ngôn ngữ ở trẻ khiếm thính như trẻ bình thường.		
12	Nói chuyện với trẻ khiếm thính là cơ hội giúp trẻ học nói.		
13	Chỉ có các nhà chuyên môn mới có thể dạy trẻ khiếm thính phát âm.		

Nội dung 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HỌC SINH KHIẾM THÍNH

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

- Phân tích được các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh khiếm thính.
- Phân tích được đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính trong môn tiếng Việt và các môn học khác.

1.2. Kỹ năng

Biên soạn được phiếu đánh giá một số bài học môn tiếng Việt cho học sinh khiếm thính.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn và tin tưởng vào việc lĩnh hội tri thức của học sinh khiếm thính.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

Tài liệu tham khảo:

- + *Giáo dục hoà nhập học sinh khiếm thính cấp tiểu học*, NXB Lao động, 2006.
- + *Phương pháp giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật*, NXB Giáo dục, 2006.
- + *Quản lí giáo dục hoà nhập*, NXB Phụ nữ, 2010.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Giới thiệu các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh khiếm thính

1. NHIỆM VỤ

Bạn đã đọc tài liệu về thực hiện đánh giá kết quả giáo dục học sinh khiếm thính, hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình về:

- * *Nội dung đánh giá:*

* *Các phương pháp đánh giá:*

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

a. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Thành phần thứ tư của thiết kế và tiến hành giờ học có hiệu quả là đánh giá kết quả. Chúng tôi sử dụng cách đánh giá theo các mức độ khác nhau thể hiện mức độ chân thực của kết quả. Sự chân thực của kết quả học tập được xuất hiện khi học sinh mong muốn thể hiện những gì chiếm lĩnh được theo cách riêng của mình. Do đặc thù của lớp hoà nhập, nên không thể áp dụng hoàn toàn cách đánh giá đối với trẻ bình thường vào đánh giá trẻ khuyết tật, việc đánh giá bài học cũng có những thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp.

Nội dung đánh giá cần được xem xét cả các kết quả cuối cùng và cả tiến trình giờ học.

* *Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh:*

– Đối với học sinh bình thường, giáo viên cần nắm được:

- + So với mục tiêu đề ra, trẻ đã đạt được gì, nắm được những kiến thức nào, ở mức độ nào, có những kiến thức nào chưa nắm chắc, nguyên nhân tại sao.
- + Trẻ có những kĩ năng gì sau bài học, những kĩ năng đó đạt được ở mức độ nào, có khả năng vận dụng vào thực tế cuộc sống không.
- + Các nhiệm vụ và bài tập được giao có hoàn thành không; nếu có thì ở mức độ nào, nếu chưa thì nguyên do tại sao...

- + Thái độ học tập của trẻ trong giờ học như thế nào, có tích cực, hứng thú hay thờ ơ, không quan tâm... tiết học mang lại điều gì mới mẻ và bổ ích đối với trẻ.
- Đối với học sinh khuyết tật:
 - + Trẻ khuyết tật mức độ nhẹ được đánh giá như trẻ bình thường. Đối với trẻ khuyết tật nặng, việc đánh giá cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo, dựa trên mục tiêu riêng để động viên, khích lệ trẻ đạt được kết quả ngày càng tốt hơn. Thông thường, do hạn chế về nghe – nói nên các hình thức đánh giá đối với học sinh khuyết tật cần linh hoạt dựa vào những khả năng biểu đạt khác, như thông qua chữ viết hoặc sự tham gia vào bài học...
 - + Đánh giá thông qua chữ viết áp dụng đối với những nội dung mà trẻ không thể dùng lời để diễn đạt, chỉ có thể thông qua chữ viết. Đánh giá hiệu quả bài học thông qua chữ viết nghĩa là: giáo viên xem xét, đánh giá cách trình bày bài tập, trả lời câu hỏi trên giấy, mức độ hiểu nội dung và thực hiện các test theo yêu cầu đặt ra. *Ví dụ:* trong những bài tập yêu cầu đọc số, có thể thay thế hình thức đọc bằng lời, bằng hình thức “đọc bằng chữ viết” như: số đọc là 213, thì trẻ khuyết tật viết ra giấy là “hai trăm mười ba”. Mặc dù không linh hoạt như ngôn ngữ nói, nhưng hình thức chữ viết là công cụ đắc lực để giúp trẻ khuyết tật trình bày và thể hiện ý tưởng, kiến thức, kĩ năng mình học được với những người xung quanh, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả giáo dục.
 - + Đánh giá thông qua chữ cái ngón tay. Hình thức này áp dụng khi học sinh khuyết tật cần thể hiện thông tin một cách trực tiếp qua phương pháp đàm thoại. Thay vì trình bày bằng lời, học sinh khuyết tật có thể mô tả những nội dung đó bằng chữ cái ngón tay. Tuy nhiên hình thức này chỉ được xem là hình thức hỗ trợ vì nếu đánh giá hiệu quả bài học chỉ dựa vào chữ cái ngón tay sẽ mất rất nhiều thời gian và nó chỉ phù hợp với những thông tin ngắn, gọn, trả lời nhanh.
 - + Đánh giá thông qua tính tích cực tham gia vào bài học. Trong quá trình thực hiện kế hoạch giờ học, cần chú ý tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật tham gia vào mọi hoạt động. Hiệu quả bài học còn được đánh giá qua sự tham gia của học sinh khuyết tật trong quá trình tham gia xây dựng ý kiến, trả lời các câu hỏi, có những thắc mắc xoay quanh nội dung bài. Sự tham gia trong hoạt động nhóm, hiệu quả của những lần tham gia... Trong giáo dục hoà nhập, yếu tố tham gia tích cực vào mọi hoạt động của các đối tượng học sinh là một tiêu chí đánh giá hiệu quả của bài học.

- * *Đánh giá tích cực, hứng thú tham gia học tập của học sinh:*

Giờ học diễn ra sôi nổi, các tình huống có vấn đề đặt ra được học sinh nhiệt tình tham gia giải quyết. Các hoạt động nhóm phải được đảm bảo cho mọi thành viên đều tích cực tham gia, các yêu cầu được thực hiện... học sinh khuyết tật đều được tham gia các hoạt động học tập cùng với cả lớp, được phát biểu và bày tỏ ý kiến bằng ngôn ngữ của mình, được tôn trọng ý kiến...

b. Phương pháp đánh giá

- * *Phương pháp quan sát:*

- Quan sát nhằm mục đích thu thập thông tin về trẻ qua các lĩnh vực cụ thể như hành vi, nhận thức, giao tiếp, hoà nhập xã hội... Đồng thời, quan sát còn phát hiện khả năng (mặt tích cực) và nhu cầu (mặt khó khăn, những hạn chế cần được hỗ trợ, giúp đỡ) của trẻ làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân.
- Trong đánh giá, cần sử dụng cả hai hình thức quan sát:
 - + Quan sát chủ định: quan sát có kế hoạch, có hệ thống, tập trung để tìm những vấn đề cần thiết.
 - + Quan sát không chủ định: quan sát tự nhiên.
- Quan sát cần được tiến hành trong mọi hoạt động của trẻ: học tập, vui chơi, lao động mọi nơi, mọi lúc; quan sát lúc trẻ hoạt động một mình hay cùng bạn bè hoặc với người khác; quan sát trẻ trong những trạng thái khác nhau, vui, buồn...

- * *Đàm thoại/vấn đáp:*

Vấn đáp là một trong những cách thu thập thông tin về sự hiểu biết của trẻ. Nhiều trẻ, do những hạn chế nhất định, rất khó khăn hoặc không có khả năng viết, việc đánh giá bằng vấn đáp sẽ giúp giáo viên xác định được việc nắm bắt các kiến thức của trẻ. Trong đàm thoại, điều quan trọng nhất là phải tập trung, chú ý lắng nghe trẻ trả lời, bình tĩnh, kiên trì, cởi mở, tự nhiên, tránh áp đặt...

- * *Xem xét sản phẩm của học sinh:*

Sản phẩm trẻ làm ra phản ánh năng lực và trình độ của trẻ. Sản phẩm cho thấy được mức độ nắm bắt và vận dụng kiến thức và kĩ năng vào việc thực hiện nhiệm vụ. Qua đánh giá sản phẩm của học sinh, giáo viên thấy được những khó khăn của trẻ. Từ đó, tìm cách giúp đỡ trẻ khắc phục. Sản

phẩm của học sinh là những bài kiểm tra, vở ghi chép các giờ học, vở làm bài tập, những sản phẩm trẻ làm được ở các giờ thủ công, lao động, thực hành... Khi đánh giá các sản phẩm của học sinh, giáo viên phải đối chiếu với tiêu chuẩn, yêu cầu và tiến bộ của trẻ.

* *Trắc nghiệm (test) và bài tập:*

Test là những dạng bài tập trắc nghiệm nhằm xác định khả năng, sự tiến bộ của trẻ theo từng mặt hoặc tổng thể. Đồng thời giáo viên hiểu/biết được hiệu quả dạy học của mình. Khi sử dụng bài tập nói chung, test nói riêng để đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật, cần phải xác định tính chất, chức năng, đặc điểm và yêu cầu của từng loại bài tập, bài test. Biên soạn các bài trắc nghiệm/ test cần phù hợp với những đặc điểm của đối tượng học sinh cụ thể. Việc cho điểm đối với trẻ khuyết tật cũng cần mang tính chất động viên khuyến khích và căn cứ vào mức độ tiến bộ của trẻ.

3. ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính gồm những nội dung nào?

Câu 2: Nêu các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh khiếm thính.

Hoạt động 2: Đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính theo các nội dung môn học

1. NHIỆM VỤ

Bạn đã đọc tài liệu và thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính, hãy nhớ lại và viết ra những suy nghĩ, hiểu biết của mình về:

* **Đánh giá kĩ năng xã hội:**

- * **Đánh giá kết quả học tập:**

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- * *Đánh giá các kỹ năng xã hội:* như trẻ bình thường.
- * *Đánh giá kết quả học tập:*
 - Môn Thể dục và Tạo hình: Đánh giá như mọi trẻ.
 - Môn Làm quen với môi trường xung quanh và môn Làm quen với biểu tượng toán học: Đánh giá như mọi trẻ, chỉ thay đổi phương pháp đánh giá (chủ yếu là biểu đạt bằng ngôn ngữ cử chỉ).
 - Phân môn Làm quen với tác phẩm văn học: Chủ yếu kiểm tra khả năng hiểu, chú ý đến nội dung chính, không quá chú trọng đến từ đơn lẻ không nằm trong ngữ cảnh. Dựa trên khả năng của trẻ, giáo viên có thể áp dụng một trong các hình thức sau đây:
 - + Kể thành lời (đối với trẻ có khả năng nói).
 - + Hiểu: hiểu nội dung chính của bài (trẻ hiểu mình “nghe” gì).
 - + Hiểu nội dung chính của đoạn.
 - + Hiểu nội dung cụm từ và câu.
 - + Hiểu từng từ.
 - Âm nhạc: Trẻ có thể biểu đạt bằng ngôn ngữ cử chỉ, làm các động tác cùng các bạn.

3. ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu 1: Giải thích lí do đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo tiếp cận tổng thể đối với trẻ khiếm thính.

Câu 2: Bạn cho biết ý kiến của mình về các phương án đánh giá cụ thể về kỹ năng xã hội, học vấn của trẻ khiếm thính.

Phần 2:

TỔ CHỨC GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG



A. TỔNG QUAN

Trẻ khuyết tật vận động chiếm tỉ lệ khá cao trong số trẻ khuyết tật. Tuy nhiên những trẻ em này phần lớn có trí tuệ phát triển bình thường như những trẻ em khác không khuyết tật. Khuyết tật vận động khá đa dạng và có thể do nhiều nguyên nhân và xuất hiện ở các phần khác nhau của cơ thể. Do vậy, trong quá trình dạy học, giáo viên cần xác định rõ những khó khăn của trẻ và trên cơ sở đó có những hỗ trợ, điều chỉnh cần thiết cho trẻ.



B. MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC

- Phát hiện được trẻ khuyết tật vận động.
- Nêu được năng lực, nhu cầu của trẻ khuyết tật vận động.
- Nêu được các phương án điều chỉnh trong dạy học trẻ.
- Nêu được cách đánh giá kết quả học tập của trẻ khuyết tật vận động.

2. KĨ NĂNG

- Xác định được năng lực, nhu cầu của trẻ khuyết tật vận động.
- Áp dụng một số kĩ năng hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động trong học tập và phát triển.

3. THÁI ĐỘ

- Có hành vi ứng xử phù hợp với trẻ khó khăn về vận động.
- Tin tưởng vào khả năng phát triển và học tập của trẻ khuyết tật vận động.
- Có ý thức xây dựng và tạo điều kiện cho trẻ tham gia mọi hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.



C. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

- Điều kiện tiên quyết khi học tiểu module: Đã học xong module về tổ chức giáo dục hoà nhập trẻ khiếm thính, tổ chức giáo dục hoà nhập trẻ khó khăn về học.
- Tài liệu học tập:
 - + *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Y học, 2005.
 - + *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật cấp tiểu học*, NXB Lao động – Xã hội, 2006.
 - + *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật vận động*, Hà Nội, 1994.
 - + *Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập*, Tạp chí Giáo dục số 60, năm 2003.



D. NỘI DUNG

Nội dung 1

KHÁI NIỆM HỌC SINH KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

Phân tích được các khái niệm khuyết tật vận động, các dạng khuyết tật vận động, nguyên nhân gây khuyết tật vận động.

1.2. Kỹ năng

Xác định được năng lực, nhu cầu và những khó khăn của trẻ.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn đối với trẻ khuyết tật vận động.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tài liệu tham khảo:

- *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Y học, 2005.
- *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật vận động*, Hà Nội, 1994.

- Các tài liệu học tập khác: Hệ thống các bài tập thực hành, câu hỏi ôn tập, tình huống thảo luận cho chủ đề, sơ đồ.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm học sinh khuyết tật vận động

1. NHIỆM VỤ

Bạn đã đọc những tài liệu viết về trẻ khuyết tật vận động, đã tiếp xúc và giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật vận động, bạn hiểu thế nào là trẻ khuyết tật vận động? Hãy viết ra suy nghĩ và hiểu biết của mình theo gợi ý sau:

- Trẻ khuyết tật vận động là:

- Dấu hiệu nhận diện:

- Nguyên nhân:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

a. Khái niệm

Trẻ khuyết tật vận động là trẻ khó khăn về vận động. Đó là những trẻ bị tổn thương các cơ quan vận động tay, chân, hoặc cột sống... gây khó khăn về cầm, nắm, nằm, ngồi, đi, đứng và di chuyển.

b. Dấu hiệu nhận diện

- Dấu hiệu nổi bật: Trẻ 10 tháng tuổi không tự ngồi một mình, trẻ 2 tuổi không có khả năng tự đi một mình, trẻ 4 tuổi không có khả năng tự cân bằng trên 1 chân trong một thời gian ngắn, trẻ vận động khó khăn hơn so với trẻ cùng tuổi.
- Dựa vào các mốc phát triển vận động của trẻ, có thể phát hiện sớm trẻ khuyết tật vận động nếu trẻ có những biểu hiện như sau:

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
1 tháng	Đặt nằm ngửa mà trẻ không có cử động chân, không co đạp, nâng chân, đưa chân lên trên.
2 tháng	Không thể ngẩng đầu khi đặt nằm sấp.
3 tháng	Không giữ đầu tự ngẩng khi bé ngồi.
4 tháng	Không thể ngồi thẳng khi được đặt tựa lưng và đầu ngẩng thẳng.
5 tháng	Không biết đập mạnh tay, chân trong bồn nước khi tắm.
6 tháng	Không đưa tay vói ra trước, đặt nằm trẻ không tự lật ngược.
7 tháng	Không biết ngồi, đứng một lúc khi không có người đỡ, đứng trên hai chân không vững khi được đỡ.
8 tháng	Không thể bước đi khi được giữ ở tư thế đứng.
10 tháng	Không thể tựa vào bàn, ghế để bước đi với sự giúp đỡ của người lớn.

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
12 tháng	Không thể tự đứng một mình và bò bằng hai tay, hai chân.
13 tháng	Không tự mình đứng lên và đi vài bước xiêu vẹo.
15 tháng	Không thể tự mình đi xiêu vẹo vài bước và trèo cầu thang.
18 tháng	Không thể tự đi một cách vững vàng, ném được bóng, cúi nhặt bóng mà không ngã.
21 tháng	Không thể tự trèo lên ghế, không thể bước lên cầu thang.
24 tháng	Không thể tự lên xuống cầu thang từng bậc bằng hai chân và chạy vững.
33 tháng	Không thể tự nhảy chụm chân, đi nhón trên đầu bàn chân.
48 tháng	Không thể chạy theo và dùng chân đá bóng, chạy trên đầu ngón chân và trèo lên xe đạp, xe ba bánh.
54 tháng	Không tự lên xuống cầu thang bằng hai chân đối nhau ở mỗi bậc.
60 tháng	Không thể đập nảy bóng, nhảy lò cò, lên xuống cầu thang dễ dàng.

Khi thấy trẻ có những dấu hiệu như trên giáo viên và gia đình cần cho trẻ đi khám và can thiệp sớm cho trẻ.

c. Nguyên nhân

- Trẻ bị dị tật bẩm sinh hoặc do tai nạn, tổn thương mắc phải trong quá trình nuôi dưỡng;
- + Trẻ bị dị tật tay, chân: khoèo chân, dính ngón, dính khoeo chân, bàn chân hoặc một bàn chân bị xoay (gập mu) vào trong... Chân, tay cụt, teo nhỏ cơ...
- + Trẻ mất một phần hoặc một bộ phận cơ thể.
- + Trẻ bị trật khớp háng, xơ cứng khớp. Chân ở tư thế khác nhau, chi ngắn, chi dài, bệnh do tổn thương trong thời kỳ bào thai.
- Trẻ bị bệnh tật gây biến chứng, để lại di chứng:

- + Trẻ bị bại não: Khi mới sinh, trẻ bị vàng da dẫn đến bại não làm cho trương lực cơ giảm, phản xạ gân xương yếu, trẻ không cử động nâng được tay, chân, đầu, cổ. Trẻ không thể lẫy, trườn, bò được như các trẻ cùng độ tuổi. Hoặc trẻ bị co cứng cơ toàn thân bất thường do bại não thể co cứng. Tay, chân, một phần cơ thể bị co cứng, rung giật từng cơn hoặc liên tục, có thể gặp trong bại não, múa vờn.
- + Trẻ bị di chứng của bại liệt: liệt nhóm cơ gốc chỉ sau một cơn sốt, ỉa chảy nhẹ, thường liệt chân, tay không đối xứng.
- + Trẻ bị liệt cơ mềm nhũn đặt đầu nằm yên một chỗ không cựa quậy tay, chân hoặc chỉ một nửa người cựa quậy được, có thể bị liệt do tổn thương thần kinh.
- + Trẻ bị dị tật vùng đầu cổ, tăng trương lực cơ, cơ co cứng trong một số di chứng của bệnh có tổn thương não, trẻ không thể cử động được tay chân và thân mình.
- + Trẻ bị liệt tứ chi từ từ do lao màng não, lao đốt sống.
- + Trẻ bị đau khớp, cứng khớp, đi lại vẹo lệch một bên do bại liệt, bại não, viêm xơ cứng khớp.
- + Trẻ đứng hoặc đi lại đầu gối chụm, bàn chân choãi xa nhau (chân chữ X) do còi xương nặng, biến dạng.
- + Trẻ đi lại phải chống chân do bại liệt, loạn dưỡng cơ, viêm khớp.
- + Cong vẹo cột sống, uốn cột sống, gù do bệnh viêm xương, viêm khớp đốt sống, thay đổi tư thế nằm, ngồi gập khó khăn.
- + Tay chân hoặc một phần cơ thể có cử động bất thường không kiểm soát được, có khi co giật, tím tái, sùi bọt mép, sau vài phút trở lại bình thường gặp trong động kinh.

3. ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Nêu khái niệm và dấu hiệu nhận biết về trẻ khuyết tật vận động.

Câu 2. Nêu những nguyên nhân dẫn đến trẻ bị khuyết tật vận động.

Hoạt động 2: Thực hành xác định và tìm hiểu về học sinh khuyết tật vận động

(Thông tin nguồn cho hoạt động 2: các tài liệu đã giới thiệu ở trên)

1. NHIỆM VỤ

Nghiên cứu phiếu đánh giá năng lực và nhu cầu dưới đây và quan sát 01 trẻ khuyết tật vận động, trao đổi với phụ huynh trẻ và điền vào phiếu.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ NHU CẦU

TRẺ KHÓ KHĂN VẬN ĐỘNG

- Nguyên nhân khó khăn vận động:.....
.....
- Thời gian bị khó khăn vận động:
.....
.....
- Đánh giá khả năng vận động:
 - + Cử động cổ: Bình thường Không bình thường
 - + Cử động thân mình: Bình thường Không bình thường
 - + Cử động tay: Bình thường Không bình thường
 - + Cử động ngón tay: Bình thường Không bình thường
 - + Cử động chân: Bình thường Không bình thường
 - + Bò: Bình thường Không bình thường
 - + Ngồi: Tự lập Cần trợ giúp Không làm được
 - + Đứng: Tự lập Cần trợ giúp Không làm được
 - + Đi: Tự lập Cần trợ giúp Không làm được
- Khám lượng giá của bác sĩ phục hồi chức năng:
 - + Thần kinh:
 - Phản xạ gân xương: Bình thường Tăng Giảm
 - Trương lực cơ: Tăng Giảm
 - Cử động bất thường: Có Không
 - Thăng bằng/điều hợp: Bình thường Không bình thường

- **Dạng liệt** Liệt cứng Liệt mềm
- Liệt 1 tay Liệt 2 tay
- Liệt 1 chân Liệt 2 chân
- Liệt 1/2 thân Liệt toàn thân

+ **Cơ xương khớp:**

- **Vai:** Bình thường Không bình thường
- **Khuỷu:** Bình thường Không bình thường
- **Cổ tay:** Bình thường Không bình thường
- **Bàn/ngón tay:** Bình thường Không bình thường
- **Háng:** Bình thường Không bình thường
- **Gối:** Bình thường Không bình thường
- **Cổ chân:** Bình thường Không bình thường
- **Bàn/ngón chân:** Bình thường Không bình thường
- **Cột sống:** Bình thường Không bình thường
- **Đau khớp:** Có Không
- **Biến dạng khớp:** Có Không
- **Cơ:** Teo Không teo

+ **Móm cụt:**

- **Cụt 1 tay** **Cụt 2 tay**
- **Cụt 1 chân** **Cụt 2 chân**

+ **Sinh hoạt:**

	Độc lập	Trợ giúp 1 phần	Phụ thuộc
Vệ sinh cá nhân			
Mặc quần áo			
Ăn uống			

+ **Dụng cụ trợ giúp phục hồi chức năng, sinh hoạt và học tập:**

- Để luyện tập:

Ròng rọc	<input type="checkbox"/>	Quả tạ	<input type="checkbox"/>	Lò xo bíp	<input type="checkbox"/>	Thang tường	<input type="checkbox"/>
Thanh song song	<input type="checkbox"/>	Ghế bại não	<input type="checkbox"/>			Khung đứng	<input type="checkbox"/>
 - Để chỉnh hình:

Nẹp cổ tay	<input type="checkbox"/>	Nẹp cổ chân	<input type="checkbox"/>	Nẹp gối	<input type="checkbox"/>
Nẹp cột sống	<input type="checkbox"/>	Dây chỉnh hình	<input type="checkbox"/>	Đai nâng cổ	<input type="checkbox"/>
Chân giả	<input type="checkbox"/>	Tay giả	<input type="checkbox"/>		
 - Để di chuyển và học:

Xe đẩy	<input type="checkbox"/>	Xe lăn	<input type="checkbox"/>	Xe lắc	<input type="checkbox"/>
Nạng	<input type="checkbox"/>	Gậy	<input type="checkbox"/>	Đệm tay	<input type="checkbox"/>
Đệm gối	<input type="checkbox"/>	Khung đi	<input type="checkbox"/>	Bút viết thường	<input type="checkbox"/>
Bút viết đặc biệt	<input type="checkbox"/>				
- Các dụng cụ cần thiết khác:
- + Hiện trạng môi trường gia đình và nhà trường.....
-
- + Chẩn đoán:
- Đánh giá của chuyên gia giáo dục:
- + Nhận thức, trí tuệ, hành vi, giao tiếp:
- Nhận thức/ trí tuệ: Bình thường Không bình thường
 - Hành vi: Bình thường Không bình thường
 - Giao tiếp: Bình thường Không bình thường
 - Ngôn ngữ: Bình thường Không bình thường
- + Khả năng giáo dục:
- Trẻ tự đi học: Có Không
 - Nếu không, vì sao:
 - Sử dụng đồ dùng học tập:

• Cầm bút:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
• Cách cầm bút:	Tay phải	<input type="checkbox"/>	Tay trái	<input type="checkbox"/>
	Chân phải	<input type="checkbox"/>	Chân trái	<input type="checkbox"/>
	Miệng	<input type="checkbox"/>	Trợ giúp	<input type="checkbox"/>

• Chi tiết:

+ Kết luận giáo dục:

- Đi học: Tự đi Cần trợ giúp
- Ngồi: Tự ngồi Cần trợ giúp
Ngồi trên ghế trẻ Ngồi trên ghế riêng
- Cầm bút: Bình thường Không thể
Cách đặc biệt Cần dụng cụ trợ giúp

2. ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Nêu những năng lực và nhu cầu của trẻ khuyết tật vận động bạn vừa khảo sát.

Câu 2. Xác định năng lực và nhu cầu của trẻ (bằng cách đánh dấu x vào ô tương ứng).

STT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Trẻ khuyết tật vận động không thích đi học.		
2	Trẻ khuyết tật không thể học tập tốt được.		
3	Trẻ khuyết tật vận động có khả năng tham gia các hoạt động như các trẻ em khác.		
4	Trẻ khuyết tật vận động không thích giao tiếp với bạn.		
5	Trẻ khuyết tật vận động không gặp khó khăn gì trong học tập.		
6	Trẻ khuyết tật vận động cần có môi trường phù hợp để tham gia các hoạt động.		

Nội dung 2

ĐIỀU CHỈNH TRONG DẠY HỌC VÀ HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

Phân tích được các khái niệm điều chỉnh, các phương án, cách thức điều chỉnh trong dạy học trẻ khuyết tật vận động.

1.2. Kỹ năng

Nghiên cứu 2 trường hợp điển hình, xác định các điều chỉnh cần thiết cho 2 trẻ trên.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn đối với trẻ khuyết tật vận động.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

Tài liệu tham khảo:

- *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Y học, 2005.
- *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật vận động*, Hà Nội, 1994.
- Các tài liệu học tập khác: Hệ thống các bài tập thực hành, câu hỏi ôn tập, tình huống thảo luận cho chủ đề, sơ đồ.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Điều chỉnh chương trình phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật vận động

1. NHIỆM VỤ

Để dạy học hoà nhập hiệu quả đối với trẻ khuyết tật vận động cần phải điều chỉnh chương trình phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ. Bằng hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, bạn làm rõ một số vấn đề sau:

- Điều chỉnh là gì?

– **Sự cần thiết phải điều chỉnh:**

– **Các phương án điều chỉnh:**

– **Các hình thức điều chỉnh:**

- Cách tiến hành điều chỉnh:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

a. Điều chỉnh và sự cần thiết phải điều chỉnh

Điều chỉnh là sự thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học nhằm giúp trẻ phát triển tốt nhất, phù hợp với những năng lực và nhu cầu của trẻ. Trong quá trình dạy học hoà nhập cần tiến hành điều chỉnh vì những lí do sau đây:

Khả năng nhận thức được thể hiện ở mức độ và thời gian lĩnh hội kiến thức trong các môn học khác nhau, trong việc làm chủ các khái niệm hay thực hiện một nhiệm vụ. Đối với trẻ bắt đầu học tiểu học, không phải em nào cũng đã được học mẫu giáo, do đó vốn hiểu biết trước khi đến trường cũng khác nhau.

Trẻ em rất khác nhau về kĩ năng xã hội do môi trường sống mang lại (giàu, nghèo, gia phong, được quan tâm và ít được quan tâm, những người chăm sóc trẻ...). Những sự khác nhau này thường được biểu hiện ở những hành vi ứng xử khác nhau của trẻ.

Trẻ em khác nhau về sở thích và thiên hướng: bé trai khác bé gái, các sở thích về màu sắc, quần áo, âm nhạc hay hội hoạ... Sự lựa chọn các hoạt động phù hợp với sở thích đó sẽ làm cho trẻ thấy thuận lợi hơn trong sinh hoạt và phát triển nhân cách của mình.

Đối với trẻ khuyết tật, sự khác nhau này còn thể hiện ở: thời gian, mức độ, và dạng khó khăn, được can thiệp sớm hay không được can thiệp sớm, phục hồi chức năng, mức độ quan tâm của gia đình và điều kiện chăm sóc, giáo dục...

Điều chỉnh sẽ giúp cho trẻ có hứng thú học tập và học tập có hiệu quả trên cơ sở sử dụng tối đa các kiến thức và kĩ năng hiện có để lĩnh hội những tri thức và kĩ năng mới; tránh những bất cập giữa những kĩ năng hiện có của trẻ và những nội dung giáo dục phổ thông; nâng cao tính tương hợp giữa cách học của trẻ và phương pháp giảng dạy của giáo viên; bù trừ những lệch lạc về tinh thần, cảm giác và hành vi.

b. Các phương án điều chỉnh

Trên cơ sở những đặc điểm khác nhau về khả năng, nhu cầu, sở thích của trẻ, căn cứ vào nội dung của môn học, bài học, có thể áp dụng một trong các phương án điều chỉnh sau đây trong lớp học hoà nhập:

** Phương án đồng loạt:*

Trẻ khuyết tật có thể tham gia vào các hoạt động học tập thường xuyên của lớp học bằng cách làm việc như mọi trẻ khác. Điều chỉnh được tiến hành cho mọi trẻ căn cứ vào mục tiêu và nội dung của bài học. Thông thường, khi xây dựng mục tiêu cho một bài dạy, giáo viên thường căn cứ vào yêu cầu của bài học. Trên cơ sở những mục tiêu cụ thể này, giáo viên thiết kế các hoạt động nhằm hoàn thành mục tiêu đã đặt ra. Các thiết kế này thường mang tính chủ quan của giáo viên. Do vậy, trong quá trình tiến hành bài dạy, giáo viên sẽ gặp những tình huống như: những gì giáo viên muốn trẻ học, trẻ đã biết trước rồi, do vậy mục tiêu cung cấp kiến thức cần phải điều chỉnh sang mục tiêu nâng cao; hoặc những mục tiêu đưa ra quá cao so với trẻ trong buổi học, nên cần hạ thấp mức độ cho phù hợp. Cách điều chỉnh này dựa trên cơ sở sáu mức độ của thang nhận thức Bloom.

** Phương án đa trình độ:*

Trẻ khuyết tật cùng trẻ bình thường tham gia vào một bài học nhưng với mục tiêu học tập khác nhau dựa trên năng lực và nhu cầu của trẻ khuyết tật. Cách điều chỉnh này dựa trên cơ sở mô hình nhận thức của Bloom. Ví dụ, yêu cầu của trẻ bình thường ở mức độ viết bài tập làm văn hoàn chỉnh (mức độ tổng hợp), trẻ khuyết tật chỉ yêu cầu trả lời các câu hỏi theo dàn ý đã định sẵn (mức độ hiểu).

* *Phương án trùng lặp giáo án:*

Điều chỉnh này dành cho những trẻ có khó khăn chưa hoàn toàn tham gia tất cả các hoạt động theo mục đích chung của tất cả trẻ trong lớp. Trẻ khuyết tật và trẻ bình thường cùng tham gia những hoạt động chung của bài học nhưng theo mục tiêu riêng trên cơ sở kế hoạch giáo dục cá nhân. Ví dụ như khi dạy về số, với trẻ bình thường cần đếm và thực hiện các phép tính, trẻ có khó khăn chỉ cần nhận biết các loại tiền để mua bán; hay trong giờ tập đọc lớp 3, trong lúc trẻ bình thường tìm hiểu và đọc bài, trẻ khuyết tật chỉ tìm những từ có chứa một âm nhất định hay trả lời câu hỏi đơn giản về những nội dung chính của bài.

* *Phương án thay thế:*

Học sinh khuyết tật cùng ngồi chung với học sinh bình thường trong giờ học nhưng học theo hai chương trình khác nhau. Ví dụ trong giờ học toán, học sinh bình thường học làm các phép tính cộng trong phạm vi 10, học sinh có khó khăn có thể viết chữ O hoặc tập viết số 1, hay có thể đếm các hình trong tranh... Đây là phương án được sử dụng trong lớp học có học sinh khuyết tật điển hình mà học sinh không thể theo được chương trình chung.

Việc điều chỉnh cần dựa vào khả năng của từng trẻ. Không có một phương án nào có thể áp dụng cho mọi trẻ khuyết tật. Đồng thời cũng không áp dụng một phương án cho mọi tiết học, môn học cho một trẻ.

Ví dụ, đối với trẻ khiếm thị nặng (mù) trong môn nghệ thuật như vẽ, trẻ cần được thay thế sang nặn, nhưng với môn Hát – Nhạc, trẻ có thể học hoàn toàn như trẻ bình thường. Đối với trẻ khiếm thính, môn Vẽ trẻ hoàn toàn có thể học như trẻ bình thường, nhưng đối với môn Hát – Nhạc trẻ cần được thay thế sang hát bằng cử chỉ, kí hiệu.

c. Các hình thức điều chỉnh

* *Thay đổi hình thức hoạt động của trẻ:*

Căn cứ vào khả năng và sở thích của trẻ, căn cứ vào nội dung và thời điểm của bài học, giáo viên cần đưa ra các dạng hoạt động cho phù hợp với trẻ. Có thể tổ chức các hoạt động theo hình thức sau: hoạt động theo nhóm; học theo từng đôi; học qua sự giúp đỡ của bạn bè.

* *Thay đổi hình thức giảng dạy của giáo viên:*

Nhiều khi việc ghi nhớ kiến thức của trẻ không phải chỉ thông qua việc giảng giải, hướng dẫn của giáo viên mà còn được thông qua các hoạt

động khác như: hoạt động vui chơi, đóng kịch hoặc phân vai; các giờ học thực hành; các giờ học ngoài trời

* *Thay đổi phong cách giảng dạy của giáo viên:*

Trong dạy học, giáo viên cần thay đổi cách truyền đạt hay phong cách giảng bài; phải có giọng nói khôi hài giúp trẻ hứng thú học tập.

* *Thay đổi nội dung và yêu cầu:*

Mỗi trẻ đều có những năng lực và nhu cầu khác nhau. Do vậy, khi giảng dạy, giáo viên cần phải thay đổi nội dung và yêu cầu sao cho phù hợp với mọi đối tượng. Cụ thể là: điều chỉnh về thời lượng cho từng nội dung; điều chỉnh về mức độ yêu cầu của kiến thức theo cách đơn giản hoá hoặc nâng cao; điều chỉnh về mức độ vận dụng kiến thức.

* *Thay đổi các yếu tố của môi trường học:*

Tùy thuộc vào phong tục, tập quán và môi trường sống của địa phương mà giáo viên có thể điều chỉnh nội dung bài dạy cho phù hợp. Cũng cần phải chú ý tới sự thay đổi của môi trường, cơ sở vật chất và sự thay đổi của xã hội để xác định bài dạy.

* *Thay đổi cách giao nhiệm vụ và bài tập:*

Trong khi giao nhiệm vụ hay bài tập, giáo viên cần có các biện pháp nhằm đảm bảo cho trẻ có thể hoàn thành được. Cùng một nhiệm vụ, nhưng tùy thuộc vào mỗi trẻ mà giao những phần nội dung công việc khác nhau. Cùng một nội dung nhưng khác nhau về thời gian, về số lượng và mức độ của kiến thức.

* *Thay đổi cách trợ giúp:*

Đối với trẻ khuyết tật, cần phải có người giúp đỡ. Việc phân công ai giúp cũng cần được quan tâm. Sau một thời gian xem xét, cần điều chỉnh cho thích hợp, có thể là từ bạn bè hay thầy, cô giáo hoặc từ một người nào khác mà trẻ yêu thích.

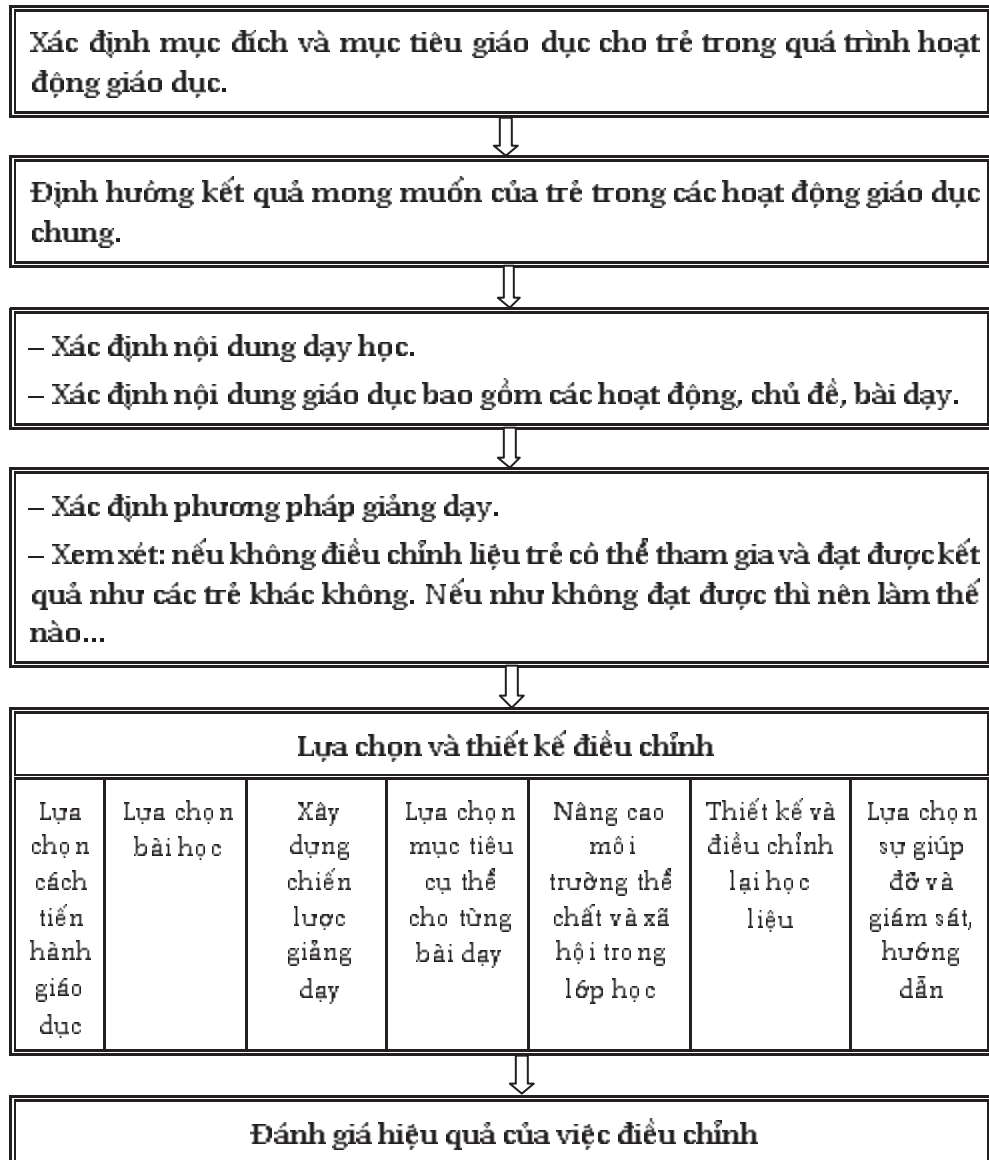
d. Cách tiến hành điều chỉnh

* *Quá trình ra quyết định điều chỉnh:*

Giáo viên là người quyết định sẽ điều chỉnh nội dung học tập của trẻ. Việc điều chỉnh chương trình học tập phải đạt được những yêu cầu: đảm

bảo tính thích ứng, đảm bảo tính hoà nhập của nội dung điều chỉnh, đồng thời thể hiện được nội dung và phương pháp dạy học.

Quá trình điều chỉnh được tiến hành như sau:



* *Thực hiện điều chỉnh:*

Điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học cho trẻ khuyết tật được thể hiện qua hai loại chương trình: 1) Chương trình giáo dục cá nhân mang tính tổng thể. Trong phần này cần kết hợp với việc xây dựng chương

trình giáo dục cá nhân trẻ và; 2) Kế hoạch các hoạt động điều chỉnh trong một buổi học.

Chương trình giáo dục cá nhân mang tính tổng thể được thiết kế trong giai đoạn nhất định. Đây là những định hướng các hoạt động phục vụ cho những mục tiêu cụ thể đối với trẻ. Căn cứ vào những năng lực và nhu cầu được phát hiện qua quá trình tìm hiểu trẻ, giáo viên xác định những hoạt động cần “ưu tiên” cho trẻ thực hiện trong quá trình giáo dục.

Những định hướng trên được cụ thể hoá bằng các hoạt động cụ thể trong lịch học hàng ngày thông qua Kế hoạch điều chỉnh trong buổi học. Trong kế hoạch này, giáo viên liệt kê tất cả các cơ hội trẻ có thể thực hiện các hoạt động trong thời gian biểu hàng ngày.

* *Một số điểm cần lưu ý khi điều chỉnh:*

Điều chỉnh chương trình dựa trên sự tiến bộ của trẻ cho nên trước khi điều chỉnh, giáo viên cần xem xét các vấn đề dưới đây:

- Trẻ cần tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học với những nội dung của bài học.

Giáo viên cần xác định thời gian, có mối quan tâm đặc biệt, và duy trì các nỗ lực của trẻ. Nếu trẻ có thể đáp ứng được các yêu cầu như trẻ bình thường, việc điều chỉnh sẽ trở lên thừa và thậm chí còn kìm hãm trẻ phát triển.

- Trẻ cần tham gia tích cực trong hoạt động học tập nếu có thay đổi phương pháp giảng dạy.

Giáo viên cần lựa chọn phương pháp giảng dạy, hình thức hoạt động học tập cho phù hợp với trẻ và với từng bài học. Cần lựa chọn hoạt động nào cho từng bài học: hợp tác nhóm, hoạt động cho cả lớp, nhóm lớn, nhóm nhỏ, từng đôi, kèm cặp cá nhân, làm việc với phiếu... Những hình thức hoạt động này sẽ góp phần tạo cơ hội tiếp thu bài học và mức độ tham gia hoạt động của trẻ.

Theo kinh nghiệm của một số nước có nền giáo dục phát triển, hình thức hợp tác nhóm, làm việc theo nhóm nhỏ, kèm cặp cá nhân và dùng phiếu là cách làm tốt để nâng cao tính tích cực và tính hợp tác của trẻ không chỉ cho trẻ có nhu cầu đặc biệt mà cho mọi trẻ em. Hợp tác nhóm sẽ tạo cho trẻ có nhiều cơ hội giao tiếp giữa trẻ với trẻ và trẻ với giáo viên. Hình thức “đôi bạn cùng học” là biện pháp thích hợp để hình thành các kĩ năng giao tiếp và kĩ năng xã hội, đồng thời nâng cao tính sáng tạo của trẻ trong quá trình học tập.

- Kế hoạch bài học thể hiện toàn bộ các hoạt động của giáo viên và trẻ, cách chia sẻ những thông tin tới trẻ và cách trẻ tham gia vào quá trình học. Để có thể tổ chức tốt giờ học, giáo viên cần cân nhắc, lựa chọn các hoạt động, dựa vào kinh nghiệm của trẻ, dựa vào nội dung chủ đề, và dựa vào đặc điểm của cộng đồng nơi trẻ sinh sống nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ trong quá trình chuẩn bị bài. Cách làm đó sẽ giúp trẻ mở rộng nội dung bài học bằng cách vận dụng các kiến thức đã được học từ những bài trước vào trao đổi, thảo luận. Quá trình học là sự giao lưu giữa trẻ với môi trường. Đặc điểm của cách làm này là trẻ bị lôi cuốn và tham gia một cách tích cực vào hoạt động, tự khám phá, tự bổ sung những kiến thức cho mình.
- Sự hiểu biết của trẻ vẫn được nâng cao, nếu thay đổi phong cách giảng dạy của giáo viên: Một trong những chức năng của điều chỉnh chương trình là nâng cao khả năng thích ứng giữa cách học của trẻ với cách giảng dạy của giáo viên. Phong cách giảng dạy của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu của trẻ khuyết tật. Lời nói, cử chỉ điệu bộ, gợi ý, kiểm tra sự hiểu của trẻ, cách đặt câu hỏi, cách đi lại của giáo viên... là những phong cách cần được lưu ý, điều chỉnh. Sự điều chỉnh có thể rất hoàn hảo về phương pháp giảng dạy, xây dựng kế hoạch bài học, chuẩn bị học liệu... nhưng trẻ khuyết tật vẫn có thể bị thất bại nếu như giáo viên không có phong cách phù hợp.
- Cần điều chỉnh mục đích và yêu cầu của bài học cho trẻ:
Trong lớp học hoà nhập gồm nhiều đối tượng khác nhau, trẻ sẽ lĩnh hội kiến thức và vận dụng ở các mức độ khác nhau. Những kiến thức cơ bản, cần thiết, trẻ cần lĩnh hội ở các mức độ khó, sâu và rộng. Vì vậy, yêu cầu mục tiêu trong các bài dạy đối với từng trẻ là việc làm rất cần thiết. Việc xác định mục đích và yêu cầu cho từng trẻ khuyết tật khi tiến hành soạn bài sẽ tạo điều kiện cho giáo viên có định hướng và yên tâm hơn trong giờ lên lớp.

3. ĐÁNH GIÁ

Trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu 1. Trong quá trình dạy học, bạn đã thực hiện điều chỉnh như thế nào trong lớp học đa trình độ của bạn?

Câu 2. Mô tả một trẻ khuyết tật vận động và nêu các phương án điều chỉnh đối với môn học Tiếng Việt, môn Toán và môn Thể dục. Giải thích tại sao chọn phương án điều chỉnh đó.

Hoạt động 2: Lựa chọn nội dung và tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh khuyết tật vận động

1. THÔNG TIN

* Trường hợp 1:



H hiện đang là trẻ lớp 2. Em chưa tự đi học được. Hằng ngày, bà đưa em tới trường. H tỏ ra khá nhanh nhẹn trong các hoạt động học tập. Em rất tích cực và tự tin tham gia phát biểu trong các giờ học. Mặc dù rất khó khăn trong cầm bút, song em rất cố gắng hoàn thành các bài học, tuy có mất nhiều thời gian hơn các bạn.

* Trường hợp 2:

T là trẻ lớp 3. Em tỏ ra khá rụt rè trong các hoạt động. Mỗi lần em nói hầu như toàn bộ cơ thể em chuyển động theo. Có lẽ chính vì vậy mà em ngại tham gia phát biểu. Với những ý kiến của các bạn trong giờ học, T thường tỏ thái độ bằng cách gật hoặc lắc đầu.



2. ĐÁNH GIÁ

Nghiên cứu 2 trường hợp trên, trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu 1. Sắp xếp chỗ ngồi trong lớp học thế nào để trẻ H và trẻ T thuận lợi nhất trong việc tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt?

Câu 2. Trong dạy học các môn học, cần điều chỉnh gì đối với trường hợp H và trường hợp T?

Câu 3. Trong các hoạt động ngoài lớp học và trong các sinh hoạt chung của lớp, trường cần điều chỉnh gì cho H và cho T?

Nội dung 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức

Phân tích được các quan điểm, nội dung, phương thức đánh giá kết quả học tập trẻ khuyết tật vận động.

1.2. Kỹ năng

Xác định được các thức đánh giá kết quả học tập của trẻ khuyết tật vận động.

1.3. Thái độ

Có thái độ đúng đắn đối với trẻ khuyết tật vận động.

2. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

Tài liệu tham khảo:

- *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Y học, 2005.
- *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật vận động*, Hà Nội, 1994.
- *Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập*, Tạp chí Giáo dục số 60, năm 2003.
- Các tài liệu học tập khác: Hệ thống các bài tập thực hành, câu hỏi ôn tập, tình huống thảo luận cho chủ đề, sơ đồ.

3. HOẠT ĐỘNG: Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật

1. NHIỆM VỤ

Bạn đã đọc tài liệu về đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật vận động, đã thực hiện đánh giá kết quả giáo dục những học sinh này. Bạn hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình theo gợi ý sau:

- Đánh giá kết quả giáo dục là:

– Quan điểm đánh giá:

– Nội dung đánh giá:

– Phương pháp đánh giá:

– Hình thức đánh giá:

2. THÔNG TIN PHẢN HỒI

a. Khái niệm về đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập

Đánh giá kết quả giáo dục là quá trình thu thập và xử lý kịp thời, có hệ thống những thông tin về hiện trạng, hiệu quả giáo dục của trẻ khuyết tật. Mục tiêu đánh giá là xác định, công nhận kết quả giáo dục của trẻ khuyết tật. Trên cơ sở kết quả đánh giá, giáo viên, nhà trường sẽ tìm các giải pháp, đưa ra những quyết định kịp thời, có căn cứ khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ khuyết tật nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục.

b. Quan điểm đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập

Việc đánh giá kết quả giáo dục có một ý nghĩa quan trọng: giúp cho trẻ khuyết tật phát triển. Qua đánh giá thấy được mặt tích cực, mặt mạnh mà trẻ đạt được trong quá trình giáo dục, đồng thời cũng phản ánh những hạn chế mà trẻ còn gặp phải. Từ đó có những biện pháp cụ thể để giúp trẻ phát triển.

Trẻ khuyết tật có những khó khăn đặc biệt gây hạn chế trong sự phát triển, nên trong quá trình đánh giá, giáo viên cần có những quan niệm đúng đắn và tích cực. Không thể áp dụng hoàn toàn cách đánh giá đối

với trẻ bình thường vào đánh giá trẻ khuyết tật được. Qua thực tiễn nhiều năm giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường giáo dục hoà nhập ở Việt Nam và kinh nghiệm đánh giá của một số nước trên thế giới, việc đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật cần dựa trên những quan điểm sau:

* *Đánh giá theo quan điểm tổng thể (tiếp cận tổng thể):*

Đánh giá theo quan điểm tổng thể là đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật theo kết quả tổng quan nhiều mặt, không đánh giá chỉ dựa trên một khía cạnh, phương diện tách biệt nào. Đánh giá cần bao gồm các mặt: các kĩ năng xã hội/kĩ năng sống với mục đích đánh giá khả năng hoà nhập xã hội của trẻ (học để làm người và học cùng chung sống), kết quả học tập: chiếm lĩnh tri thức và rèn luyện các kĩ năng (học để biết, học để làm).

* *Đánh giá theo quan niệm tích cực, phát triển (tiếp cận lịch sử – xã hội):*

Mỗi trẻ đều có mặt mạnh, mặt yếu, không một ai hoàn thiện "mười phần vẹn mười". Với trẻ khuyết tật, điều này thể hiện rất rõ. Tuy trẻ có những mặt yếu hơn nhưng ngược lại trẻ cũng có những mặt tích cực không thua kém, thậm chí còn mạnh so với trẻ khác cùng lứa tuổi. Do đó trong quá trình đánh giá trẻ, cần phải tìm ra những thành tích, ưu điểm, những điều mà trẻ có thể đạt được với nỗ lực vượt qua khó khăn nhất định. Giáo viên cần động viên, huy động những khả năng còn lại của trẻ để phát huy mặt tích cực, hạn chế những yếu điểm của trẻ. Vì vậy, khi đánh giá trẻ khuyết tật, phải xoá bỏ mặc cảm và xem trẻ như mọi trẻ em khác. Phải đánh giá theo khả năng, nhu cầu và sự tiến bộ của trẻ. *Đánh giá công bằng nhưng không cào bằng.*

* *Đánh giá theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục cá nhân (tiếp cận cá nhân):*

- Mỗi trẻ em, không em nào giống em nào, có những khả năng khác nhau. Mỗi trẻ khuyết tật có những đặc điểm riêng của mình và có những khó khăn thuận lợi trong phát triển. Trẻ khuyết tật vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển nếu có được cơ hội. Kết quả giáo dục phụ thuộc vào phương pháp dạy của nhà trường, giáo viên, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật cần đối chiếu, xem xét khả năng của trẻ, điều kiện, môi trường cộng đồng, gia đình xung quanh trẻ để xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục trẻ. Dựa vào mục tiêu để đề

ra nội dung, phương pháp dạy học và lập kế hoạch giáo dục. Sau mỗi giai đoạn phải kiểm tra, đánh giá mặt được cũng như những hạn chế để lập mục tiêu và kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

So với cách đánh giá truyền thống, cách đánh giá dựa trên khả năng hoạt động nhận thức của trẻ cũng như các cách đánh giá khác sát với thực tế học tập và khả năng của trẻ dường như có lợi và thích hợp hơn cho cả trẻ bình thường lẫn trẻ khuyết tật. Cách đánh giá dựa vào thực tế học tập sẽ cho giáo viên bức tranh phong phú hơn về cái trẻ làm được cũng như những nhu cầu hỗ trợ thêm mà nếu chỉ dựa vào cách đánh giá truyền thống thì giáo viên không thể có được. Cách đánh giá dựa vào kế hoạch cá nhân có lợi cho trẻ khuyết tật hơn vì những trẻ này có kế hoạch giáo dục riêng mà những trẻ khác không có và với kế hoạch này trẻ thường đạt được. Theo kế hoạch cá nhân này, nhiều hoạt động, cách giảng dạy, các tiêu chí đánh giá thường phải được điều chỉnh.

– Quy trình đánh giá theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục cá nhân:

Để đánh giá kết quả giáo dục của trẻ khuyết tật, giáo viên cần xác định rõ yêu cầu đối với từng trẻ. Sự tiến bộ của trẻ về các mặt giáo dục phải được hiểu là sự nâng lên từ mức độ hiểu biết, kĩ năng này sang mức độ kĩ năng khác. Cụ thể như sau:

- + Thu thập thông tin, xác định hiểu biết, kĩ năng của trẻ theo các phiếu khảo sát đối với trẻ có những dạng khó khăn khác nhau (khiếm thính, khiếm thị, khó khăn về học, ngôn ngữ giao tiếp, vận động). Những thông tin này được thu thập qua quan sát hành vi, hoạt động, xem xét các sản phẩm, các kết quả hoạt động trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, qua trao đổi với phụ huynh, giáo viên trước đây dạy trẻ và hồ sơ, bệnh án (nếu có)...
- + Trên cơ sở những thông tin trên, giáo viên (kết hợp với phụ huynh, cán bộ y tế, nhóm bè bạn...) xây dựng mục tiêu kế hoạch giáo dục hàng năm đối với trẻ và bảo vệ trước hội đồng chuyên môn nhà trường. Ban giám hiệu xem xét và duyệt kế hoạch cụ thể. Mục tiêu, kế hoạch giáo dục của trẻ sau khi đã được duyệt sẽ trở thành văn bản (chính quy) làm cơ sở đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật trong năm học đó. Hàng năm mục tiêu, kế hoạch giáo dục cần được xây dựng lại dựa vào thực trạng về hiểu biết, kĩ năng của trẻ.

Những hiểu biết, kĩ năng hiện thời, mục tiêu và kế hoạch giáo dục sẽ được thể chế hoá vào “Sổ theo dõi tiến bộ” của trẻ.

c. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật

Nội dung đánh giá theo 3 phương diện quá trình giáo dục trẻ khuyết tật (3 mặt cơ bản):

* *Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức:*

Với trẻ khuyết tật nhẹ được đánh giá như trẻ bình thường. Còn trẻ có khuyết tật nặng, tùy theo dạng tật, mức độ tật, cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo trong đánh giá để động viên, khích lệ trẻ đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

Đánh giá bằng điểm số (như học sinh bình thường) đối với những môn trẻ khuyết tật theo được không cần điều chỉnh trong chương trình, có thể định lượng được; Đánh giá bằng nhận xét: đạt – chưa đạt, hoàn thành – chưa hoàn thành, tiến bộ rõ rệt – có tiến bộ – ít tiến bộ... với những lĩnh vực học tập đòi hỏi các năng lực, sở trường đặc biệt, khó đo lường được chính xác và công bằng.

* *Đánh giá rèn luyện kĩ năng:*

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ cần dạy cho trẻ những kiến thức văn hoá, đạo đức, lối sống mà còn phải rèn luyện cho trẻ những kĩ năng trong cuộc sống để hội nhập xã hội. Đánh giá rèn luyện kĩ năng của trẻ theo các mặt:

– *Kĩ năng giao tiếp:*

Giao tiếp là hoạt động rất cần cho trẻ khuyết tật phát triển. Khi giao tiếp, trẻ cần có ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và thái độ với người khác. Vì vậy trong quá trình giáo dục phải đánh giá vốn từ của trẻ nhiều hay ít, cách vận dụng như thế nào trong quá trình giao tiếp với mọi người. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ phát triển rất chậm và bị hạn chế rất nhiều. Trẻ khó khăn về học vốn từ rất nghèo nàn và khó vận dụng trong giao tiếp nên trẻ diễn đạt việc làm, ý nghĩa của mình bằng lời nói rất khó khăn. Trẻ khiếm thính thì việc giao tiếp bằng lời rất khó khăn. Các em phải sử dụng ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ và giao tiếp tổng hợp (tất cả các hình thức giao tiếp như nói, kí hiệu, cử chỉ tự nhiên, tranh vẽ...).

- Hình thành các kĩ năng lao động, học tập và sinh hoạt:

Đối với trẻ khuyết tật, việc hình thành kĩ năng trong sinh hoạt và lao động tự phục vụ cũng là một trong những mục tiêu giáo dục quan trọng. Những kiến thức mà trẻ lĩnh hội được trong giáo dục cần được luyện tập thường xuyên để giúp trẻ hình thành các kĩ năng.

Đánh giá việc rèn luyện các kĩ năng bao gồm thói quen tự phục vụ như giữ gìn vệ sinh thân thể, đánh răng rửa mặt, đi vệ sinh, mặc quần áo và giữ gìn sạch đẹp... Những kĩ năng lao động đơn giản như làm được một số việc trong gia đình: tự thu dọn đồ chơi, xếp đồ đạc gọn gàng, quét dọn nhà cửa, giúp gia đình các công việc nấu nướng đơn giản như nhặt rau, vo gạo, rửa rau... Những thói quen trong các hoạt động học tập: ngồi học trật tự, chú ý nghe giảng, tập trung học tập, tham gia các hoạt động của nhóm, của lớp, giữ gìn đồ chơi sạch đẹp, những kĩ năng trong hoạt động vui chơi với bạn bè cùng tổ, nhóm, lớp cùng địa phương...

- * *Đánh giá thái độ:*

Thái độ là tổng thể những biểu hiện ra bên ngoài bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động của ý nghĩ, tình cảm đối với người khác hoặc đối với sự việc nào đó. Đánh giá thái độ của trẻ khuyết tật thường qua biểu hiện hành vi, cử chỉ đối với bản thân, đối với bè bạn và công việc trong ứng xử và hội nhập cộng đồng.

- Thái độ ứng xử:

Đánh giá cách phản ứng của trẻ đối với đối tượng (các hành vi phù hợp hay chưa phù hợp), xem xét khả năng phản ứng (tích cực hay thờ ơ, nhanh hay chậm) của trẻ đối với sự việc, hiện tượng, với người đang giao tiếp. Đối tượng trẻ tiếp xúc có thể ngẫu nhiên hoặc chủ định.

- Thái độ ứng xử xã hội:

Một trong những mục tiêu cơ bản của giáo dục trẻ khuyết tật là rèn luyện cho trẻ khả năng hội nhập vào cộng đồng. Khi đánh giá về khả năng này ta xem xét thái độ, hành vi của trẻ trong quan hệ bè bạn trong lúc chơi, trong tiếp nhận và hỗ trợ người khác; xem xét thái độ của trẻ đối với mọi người trong gia đình, trong thôn xóm, trong lớp học, trong những hoạt động tập thể...

d. Phương pháp đánh giá

* *Quan sát:*

Quan sát nhằm mục đích thu thập các thông tin về trẻ qua các lĩnh vực cụ thể: hành vi, nhận thức, giao tiếp, hoà nhập xã hội... Đồng thời phát hiện khả năng (mặt tích cực) và nhu cầu (khó khăn, những hạn chế cần được hỗ trợ, giúp đỡ) của trẻ làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ. Trong đánh giá cần sử dụng cả 2 hình thức quan sát: quan sát chủ định (quan sát có kế hoạch, có hệ thống, tập trung để tìm những vấn đề cần thiết), quan sát không chủ định (quan sát tự nhiên). Quan sát cần được tiến hành trong mọi hoạt động của trẻ: học tập, vui chơi, lao động, mọi nơi mọi lúc; quan sát lúc trẻ hoạt động một mình hay cùng bạn bè hoặc với người khác; quan sát trẻ trong những trạng thái khác nhau, vui, buồn...

* *Đàm thoại/vấn đáp:*

Trò chuyện với trẻ là một trong những cách thu thập được những thông tin về sự hiểu biết của trẻ. Nhiều trẻ, do những hạn chế nhất định, rất khó khăn hoặc không có khả năng biểu đạt, việc đánh giá bằng trò chuyện sẽ giúp giáo viên xác định được việc nắm bắt các tri thức của trẻ. Trong đàm thoại, điều quan trọng nhất là phải tập trung chú ý lắng nghe trẻ trả lời bằng các cách khác nhau, tránh áp đặt, bình tĩnh, kiên trì, cởi mở, tự nhiên...

* *Xem xét sản phẩm của trẻ:*

Sản phẩm trẻ làm ra phản ánh năng lực và trình độ của trẻ. Sản phẩm này cho thấy được mức độ nhận thức của trẻ (theo thang nhận thức Bloom) trong việc thực hiện nhiệm vụ. Qua sản phẩm của trẻ, giáo viên cũng thấy được những khó khăn, hạn chế của trẻ và từ đó tìm cách giúp đỡ trẻ. Sản phẩm của trẻ là những bài kiểm tra, những sản phẩm trẻ làm được ở các giờ nghệ thuật, tạo hình, thủ công, lao động, thực hành... Khi đánh giá các sản phẩm của trẻ, giáo viên phải đối chiếu với tiêu chuẩn, yêu cầu và tiến bộ của trẻ.

* *Trắc nghiệm (test) và bài tập:*

Test là những dạng bài tập trắc nghiệm nhằm xác định khả năng, sự tiến bộ của trẻ theo từng mặt hoặc tổng thể; đồng thời giáo viên hiểu/biết được hiệu quả dạy học của mình. Khi sử dụng bài tập nói chung, test nói

riêng, để đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật cần phải xác định tính chất, chức năng, đặc điểm và yêu cầu của từng loại bài tập, bài test. Biên soạn các bài trắc nghiệm/test cần phù hợp với những đặc điểm của đối tượng trẻ cụ thể (trẻ khiếm thị, trẻ khiếm thính, trẻ khó khăn về học...). Việc cho điểm đối với trẻ khuyết tật cũng cần mang tính chất động viên khuyến khích và căn cứ vào mức độ tiến bộ của trẻ.

* *Tập thể đánh giá:*

Tập thể đánh giá là những ý kiến nhận xét của từng cá nhân trong nhóm tổ, lớp đối với một cá nhân nào đó. Trong quá trình giáo dục hoà nhập, tập thể nhận xét đánh giá một cá nhân tức là sự quan tâm của mọi thành viên đối với cá nhân đó và cũng là sự chấp nhận của cộng đồng đối với đứa trẻ đó, và là xác định khả năng hoà nhập vào cộng đồng của đứa trẻ đó.

Khi cho tập thể đánh giá một cá nhân cần làm cho mọi thành viên thấy được:

- Mục đích yêu cầu nhận xét của mỗi thành viên phải khách quan, trung thực, không vì mặc cảm thành kiến cá nhân mà có những nhận xét không đúng sự thật.
- Những ý kiến đánh giá của các thành viên trong tập thể được giáo viên nhận xét tổng hợp thành ý kiến chung của tập thể và được trao đổi trong tập thể để đi đến thống nhất.

e. *Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật vận động*

- Đối tượng trẻ: trẻ chỉ có khó khăn về vận động (không kèm theo khó khăn về học).
- Đánh giá các kĩ năng xã hội: như trẻ bình thường.
- Đánh giá kết quả học tập:
 - + Khó khăn ở phần chân: đánh giá như trẻ bình thường, trừ một số phân môn liên quan đến vận động chân trong môn Thể dục.
 - + Khó khăn phần tay:

Trẻ vẫn nói được bình thường như trẻ khác: đánh giá bằng đàm thoại, đánh dấu vào bài theo trắc nghiệm, bài kiểm tra lựa chọn.

Trẻ không nói được: kiểm tra theo lựa chọn đúng/đồng ý – sai/không đồng ý.

(Khuyến khích trẻ sử dụng cùi tay, chân, hoặc bằng miệng trong các hoạt động phải sử dụng tay...).

3. ĐÁNH GIÁ

Nghiên cứu nội dung trên, trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu 1. Giải thích lí do đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo tiếp cận tổng thể đối với trẻ khuyết tật vận động.

Câu 2. Bạn cho biết ý kiến của mình về các phương án đánh giá cụ thể kĩ năng xã hội, học vấn của trẻ khuyết tật vận động như đã giới thiệu ở trên.